

Năm thứ hai — Số 44  
Tuần lễ từ thứ tư 22 đến  
thứ ba 28 Avril 1942

# trilân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

## 知 新 雜 誌

### TRONG SỐ NÀY :

- Những sự lầm-lẫn trong văn-chương LÊ-THANH
- Truyện vua Đinh Tiên-hoàng (IV) Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tổ
- Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXII) Ứng-Hoè
- Những ông nghề triều Lê (XVII) Nguyễn Văn-Tổ
- Sự nghiệp trau-ớt-thuật của cụ Trương Vĩnh-Kỷ Long-Điền
- Xứ Ai-cập và kênh-đào Suez (Thời đăm) Nhật-Nham
- Vua Lê Chiêu-Thống (Đoạn kịch bằng thơ) Phan Khắc-Khoan
- Những ngày «lịch-sử» trong tháng Avril (II) Long-Điền
- Tường thuật cuộc diễn-thuyết về « Nghề xuất bản » Phạm-Mạnh-Phan
- Thoát cung vua Mạc (XVII) Cha-Thiền
- Vài thẻ văn khoa-cử xưa (I) Hoa-Bông
- Cụ Nguyễn-Nghĩm Văn-Thạch
- Kết-quả cuộc thi lịch-sử — Tùy hứng Tùy hứng

RETOUR  
A L'ENVOYEUR

REVUE  
CULTURELLE HEBDOMADAIRE  
165, RUE DU BOUTON, 415  
HANOI

Bonjour  
Hanoi

Từ nhà kho Quán Ven Đường

### GIÁ BÁO.

mỗi số	1 năm	6\$80
	6 tháng	3.50
16 xu	3 tháng	1.80

Ngoại quốc và công sở giá gấp đôi

# Những sự làm-lấn trong văn-chương

LÊ-THANH

**S**AU những sự thay đổi lớn-lao ở Pháp và thuộc-địa — riêng ở nước ta cũng thế — những người, có tam huyếĩ đối với quốc-gia, lớn tiền va h rõ những sự làm lạc về tư-tưởng và hành-động, những sự làm-lạc đã đưa một phần quan-hệ thế-giới đến cái trạng-hyốĩng ngay nay.

Một việc xứng-đáng với sự chú ý của mọi người ở bất cứ một từng thang nào xã-hối.

Đem ra ánh-sáng những sự làm-lạc để khỏi rơi vào đấĩ một lần thứ hai nữa. Sự đau thương mà nước Pháp vừa trải qua đã là một bài học phải mua bằng một giá quá đắt rồi.

Nhân dịp này, tôi cũng muốn đem ra ánh-sáng một vài sự làm-lấn, không phải sự làm-lấn trong chính-trị, mà là sự làm-lấn trong văn-chương. Phải đem ra ánh-sáng để giá sự công-bằng lại cho những người đã bị thiệt-thòi vì những sự làm-lấn ấy.

Tôi muốn nói đến những quyền sách viết về xứ Đông-dương. Phải nói ngay rằng tôi không vơ đũa cả nắm, tôi chỉ nói riêng về những quyền sách không những không có giá-trị về văn-chương, mà còn có thể làm thương-tổn đến cái gì thiêng-liêng của những dân-tộc sống trên dải đất này.

Tại sao khi cầm bút, người ta chỉ có thể nêu lên những phong-tục — có khi chỉ có trong tưởng tượng của người viết sách — mục đích đem lại cho người đọc những cảm-tưởng không hay về những dân-tộc ấy.

Một người nhà quê vừa ngồi sưởi nắng vừa bắt rận được đem tả trong quyền sách có lẽ điềm gì thêm cho văn-chương cuốn sách ?

Một người con gái, trong k<sup>h</sup> vừa phạm vào sự làm lỗi đáng ghê - tởm nhất, còn cố quay gườĩng tơ để cha mẹ nằm trong nhà tưởng rằng ở ngoài không xảy ra việc gì cả. Cái « lớp tuổĩng » bi-đĩ ấy được đem ra diễn lại trong cuốn sách có làm vinh-dự gì cho cái dân-tộc mà người con gái ấy là một phần tử ?

Tôi không bĩa đặt đề vu không một số người làm việc cho văn-chương. Thi-dụ sau này tôi lấy trong một quyền sách nhỏ viết về xứ Lào, nhan đề là KOMLAH của Roland MEYER (Xuất-bản ở Paris năm 1929).

Kỳ này tôi chỉ nói riêng về quyền sách ấy.

Tôi sẽ đề một bên cái giá-trị văn-chương của quyền sách.

Tôi sẽ chỉ nói đến những sự bất công đầy-dẫy trong quyền sách, những sự bất công của một ngòĩ bút cực-kỳ tàn nhẫn.

Quyền sách đọc xong, còn lại cho chúng ta cái gì ? Một vài ý-nghĩ không hay : Người Lào là gì ? Một dân-tộc chìm đắm trong cuộc sống « xứ xứ... », kẻ thù của tiến-hóa.

Và người Việt-nam sang làm ăn bên Lào là gì ? Một mớ căn bã nhân-loại(déchet d'humanité)(1), là một tội chết đỏi dờ đáng thương (théorie de lamentables faméliques) (1), bỏ làng đi, không có giấy căn-cước, đến một nơi, ăn ăn hiện hiện, thỉnh - thoảĩng đóng thuế, đào cả đình chùa lấy gạch bán từng thước khối (augustes pierrailles que les envahisseurs — chỉ người Việt-nam — vendront au mètre cube)... (2).

Tôi không muốn viết gì thêm nữa. Ngòĩ bút của tôi đã mất hết sự bình-fĩnh thường ngày rồi.

Tôi muốn nghĩ-ngợi xa-xôi... Tôi ước-ao một ngày gần đây tôi có dịp qua thăm Vientiane một lần nữa, Vientiane mà ở đây tôi đã đề biếĩt bao nhiêu kỷ-niệm. Tôi sẽ theo con đường bộ số 13, Xiêng-khoang, Phu-khun, Luang-prabang, Vientiane.

Tôi ước-ao được thấy bên đường vắng, giữa một quãĩng rừng núi âm-u, một ngòĩ mộ của một tên phu vô-danh Việt-nam, khi sống, đã dự một phần rất nhỏ trong công việc đắp con đường ấy và đã, như một tên linh vô danh, bỏ mạng trong khi làm bõn-phận.

Đã từ bao nhiêu lâu, trên rãĩm mộ này không có một cánh hoa, một nèn hương. Người ấy đã bị quên rồi, chỉ còn cái tắc đường ngắn ngủĩ, cái « sự-nghĩệp » của hắn là còn mãi mãi.

Người phu Việt-nam này khi sống vẫn sống một đời cần-lao rất hiền lành và không hề đào đình chùa lấy gạch bán từng thước khối...

Hôm nay chính vì hắn mà tôi viết những giòng này.

Sự thiệt-thòi về tinh-thần, vì sự làm-lấn của nhà văn mà có, ngày nay phải mất hẳn đi. Tôi nhắc lại đây, chỉ là một sự thiệt-thòi về tinh - thần trong địa-hạt văn-chương mà thôi.

Nhà văn ta, nếu không thể đem ngòĩ bút để phụng-sự cái gì, cũng đừng dùng nó để làm những việc như nhà văn trên kia, thứ nhất là đừng đem nó ra để gieo ác-cảm giữa hai dân-tộc Nam-Lào, hai dân-tộc từ trước đến nay vẫn cần phải hợp-tác để làm việc cho sự thịnh-vượng chung của xứ Lào.

LÊ-THANH

1) KOMLAH trang 100

2) — — 101.

# VÀI THẺ VĂN KHOA-CỬ XƯA

Số 1

HOA-BÀNG

**X**UA kia, khoa-cử là một khuôn-vòng chặt-chẽ để Triều-đình kén lấy kẻ sĩ, mà cũng là con đường duy-nhất để sĩ phu xuất thân.

Những người tranh được khôi, giạt được giáp, đạt được cái đích trí, trạch, hiền, dương : ấy là nhờ ở thẻ văn trường ốc.

Những ai lăn lóc theo ống quyển, lặn-dặn với gọng lều, rút cục « học đã sôi cơm nhưng chưa chín, thi không ngậm ớt thề mà cay » : ấy cũng vì lối văn trường-ốc !

Văn trường-ốc, có thể nói, kh<sup>1</sup> như thiên sứ dắt người lên thiên đường, có lúc lại giống Satan lôi người xuống địa ngục.

Về phần cá-nhân, vinh vì nó, mà nhục cũng vì nó.

Về phần quốc-gia, cái cửa sống chết cũng dẫn đến từ nó.

Nước ta có khoa-cử bắt đầu từ đời Lý Nhân-Tông (1072-1127). Sử chép rằng : Năm Thái-ninh thứ tư (1075) bắt đầu lấy tam trường thi kẻ sĩ, lựa lấy những người minh kinh bác học, có Lê văn-Thịnh đỗ đầu (1).

Khoa cử kéo dài hàng ngót nghìn năm. Những người đã từng lạo đảo trường thi, nếm trái du mùi cay chua trong « chén » khoa cử, chắc ai cũng thấm thù lối văn trường ốc.

Còn những ai nhờ văn trường ốc mà được « ngựa anh trước, võng nàng sau », có nhiên là tung hô khoa cử, ca tụng khoa cử.

Bấy lâu nhân soạn cuốn *Việt-nam văn học sử*, tôi đã từng khảo về những lối văn văn Trung hoa, tức là những lối văn văn

như thơ phú từ Tàn truyền sang ta, mà đặt cho cái tên là « văn văn lai Tàn » (2).

Đến các thẻ văn khác trong cử nghiệp như *kinh nghĩa, chiếu, chế, biểu* và *văn sách*, v.v. tôi cũng định khảo đề giới thiệu với các bạn trẻ nay những môn văn cổ ấy đã bao phen choán hết đầu óc của sĩ phu toàn quốc xưa và in lại bao nét quan trọng trên trang sử văn học Nam-việt.

Thì một việc tình cờ xảy đến lại càng thúc giục tôi mau làm cho thành tựu cái ý định ấy.

Nguyên, mới đây, Tri-Tân có tiếp được, do một bạn đọc, ông Nguyễn văn-Thảo, gửi đến, một tập thơ văn, gồm bốn tá bản, của cụ Tạ ngọc-Tảo (3), một nhà nho đã từng trải qua lớp đại-tập, biết đủ mọi thẻ văn khoa cử và đã vào đến nhị trường.

Cảm vì lòng nhiệt thành của ông Thảo đối với Tri-Tân, cảm vì cảnh một nhà nho suốt đời vất vả, trải qua bao cuộc thất bại, đau đớn cả khu xác lẫn tinh thần, tốn bao tâm huyết mới để lại được tập văn ấy, nên mỗi thẻ văn, tôi xin trích lấy một bài, giới thiệu với bạn đọc cái thẻ thức từng lối văn xưa để gọi là gop tài liệu vào kho văn học và để yên ùi tiềm linh một nhà nho đã từng điêu đứng vì khoa cử.

Còn tôi, trong bài dài này, vẫn đóng vai làm việc khảo cứu và thuyết minh từng thẻ văn một.

Khi trưng dẫn bài nào của Tạ tiên sinh, tôi xin chua rõ tên của tác giả, nhưng không phê-bình vì, ở đây, tôi chỉ muốn đứng về

mặt khảo cứu mà giới thiệu một vài thẻ văn khoa cử xưa.

Ở ta, khoa cử tuy có từ đời Lý, nhưng đến đời Trần Anh-Tông, niên hiệu Hưng-long thứ mười hai (1304) mới thấy nói đến phép thi Thái-học-sinh : Trước hết, bắt ám tả *Mục thiên-tử truyện* (4) và *Y-quốc thiên* (5) để đào thải bớt đi cho đỡ bộn (đệ nhất trường) ; thứ đến thi *kinh nghị* (6), *kinh nghĩa* và *thơ phú* (7) (đệ nhị trường) ; lại thứ đến *chiếu, biểu* (đệ tam trường) ; cuối cùng thi một bài *văn sách* để định thứ tự cao thấp (đệ tứ trường) (8).

Về thẻ thơ phú, tôi đã nói kỹ trong *Việt-nam văn học sử* đăng ở Tri-Tân số 10 và số 14 rồi, nay chỉ xin khảo về những thẻ văn như *kinh nghĩa, chiếu, biểu, văn sách*, v.v. thôi.

## Kinh-nghĩa

Lối văn kinh-nghĩa bắt đầu từ đời nhà Tống (960-1127), vì nhà Tống, trong thể-lệ thi, có một môn là lấy kinh-văn làm đầu đề, khiến sĩ-tử giảng-giải và mở rộng nghĩa ra, nên mới gọi là *kinh nghĩa*. Đến nhà Minh (1368-1644), nhà Thanh (1644-1911) cũng vẫn noi theo lối đó, nhưng thẻ-tài hơi khác.

Sở dĩ nó được kêu là *văn bát cổ* (tám vẻ), là vì từ niên-học Minh Thiên-thuận 1457-1464) trở về trước, văn kinh-nghĩa tuy phải làm cái công-việc là phụ-diễn lời truyện-chú như trên đã nói, nhưng hoặc viết đối nhau, hoặc viết văn xuôi, không bị bó-buộc theo thẻ-cách nhất-định. Đến đời Minh Thành-hóa (1486-1486), nhân một khoa thi hội, người ta đặt ra thẻ-cách về kinh-nghĩa, nào *phản*, nào *thanh*, nào

hư, nào thực, nào thiện, nào thâm... Cái thể-chế bát cổ mới thật thành-lập từ đó.

Ngoài cái tên tục gọi là bát cổ ra, kinh-nghĩa còn có những tên khác như chử-nghệ và thời-văn. Trong Cổ xúy nguyên-âm (9), cụ Đông-Châu còn gọi là « tịnh nghĩa » nữa.

Ở nước ta, đời Trần, thi kinh nghĩa vào kỳ đệ nhị. Đến triều-đại sau, lại đề kinh nghĩa vào kỳ đệ nhất, nên ta có tiếng thành-ngữ « bay kinh-nghĩa » là chỉ vào những ai thi hỏng ngay từ đệ nhất trường.

Kinh-nghĩa là một lối văn khuôn - sáo hẹp - hòi, vì sĩ-tử thường theo chú-giải của các tiên-nho mà nich nghĩa hay g.ảng rộng ra dưới cái đầu bài do trường ốc ra cho bằng một hai câu trong Kinh, Truyện...

Khi làm, cần phải nhận xét đầu đở cho tinh, đầu đề ra lời người nào thì phải làm giả như lời người ấy, cứ dần bài dần dần và chia ra từng đoạn một.

Phá đề là một hai câu đầu mở toang cho vỡ cái ý đầu bài.

Thừa đề là ba bốn câu tiếp theo ý trên, phớt qua nghĩa đầu bài bằng những lời mình tỏ ra,

Khởi giảng là một đoạn ngắn mà người viết văn phải tùy theo lời nói của «vai trò» trong đầu bài mà khơi gợi giảng giải dẫn ra. Nếu cùng một bài mà chia ra hai ý, hai việc, thì đoạn khởi giảng này không được phạm đến ý ở dưới.

Khai giảng là đoạn tuy mở ý giảng vào bài, nhưng hãy còn nói bóng bẩy, chứ chưa nói rõ.

Từ đoạn này trở xuống có hai câu song quan, phải làm đối nhau.

Trung cổ hoặc thượng tứ phải thích thực cho rõ ý đầu bài.

Hạ cổ hoặc hậu cổ hoặc hạ tứ,

phải bàn giải cho rõ nghĩa đầu bài, có khi nói trái đầu bài một chút, có khi đặt thí dụ hay thần sự tích vào cho thêm rộng ý của đầu đề.

Kết cổ là hai vế cuối cùng, đặt ngắn, thể là xong cả tám vế.

Thúc đề hoặc kết vĩ tức là một câu đóng ở cuối bài đề tỏ ra đến đó là hết.

Khi làm kinh nghĩa, nếu dùng điền-cổ thì phải tìm chữ ở đời đó trở về trước, nếu là đầu bài ra bằng tục ngữ ca dao thì lại phải dùng ca dao tục ngữ mới mật thiết.

Dưới đây, tôi xin trưng dẫn một bài kinh nghĩa của Tạ tiên-sinh :

ĐẦU BÀI.— Dạy con từ thừa lên ba ;

Dạy vợ từ thừa bơ-vơ mới về.

CÁU PHÁ.— Yêu mà chẳng dạy, ắt sinh lông-hồng vậy.

CÁU THỪA.— Ôi, tình rất thân gì bằng vợ con ? Lúc trẻ, lúc mới, dạy ngay ; về sau hẳn không lông-hồng nữa.

KHỞI GIẢNG.— Ý nhời cõngữ nghĩ rằng : Hiếu-thuận tuy khác mọi đường, dễ được cả đôi

cho trọn-ven ? Thân yếu vốn cùng một nhẽ, há không tìm cách cho vũng-bền ? Phải lo-lắng từ trước, mới dành lòng trông cậy vậy. Nghĩ nhời ấy, càng nên lưu tâm đơ.

KHAI GIẢNG.— Trẻ con dễ uốn, đương độ ấy mà chẳng g a tâm vin-năn, chẳng kẻ khôn cả chi gây cảnh (10). Củ sấu khó đào, đến bấy giờ mà cố ý tìm lời, còn đầu phải thì mà bỏ-bãi (11). Vậy nên dạy con từ thừa lên ba, dạy vợ từ thừa bơ vơ mới về.

TRUNG CỔ.— Đang thừa ngày thơ, trẻ nào chẳng sẵn tình thiện (12) ? Nếu nuông dưỡng mà ngo đi, tình thiện ấy sẽ b.ến thành ra ác. Làm cha mẹ thường phấp-phồng đều ấy. Ngủ có chừng, ăn có mực, nết na nào đã biết đầu ; gọi thì dạ, bảo thì vâng, lễ-phép chưa từng phải học. Đương lúc thỏ thẻ (13) mà bắt nét vào khuôn, rồi ra hơn một ngày, hay một trước, biết dặt quit mà đề phân (14), ắt hẳn biết nhường lễ (15) u lúc khác. Mới hay ăn vóc học quen, cũng bởi mẹ cha chi sớm liệu.

— Đến khi khôn nhớn, gái nào chẳng có tình ghen (16) ? Nếu nề nang mà chẳng nói, tình ghen ây

## Tám nguyên Từ-diễn

của LE VĂN HÒE

Tựa của NGUYỄN VĂN NGỌC, TRẦN TRỌNG KIM

Giá 2p80

« ... Ce n'a pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler un bon instrument de travail... A ceux qui niérodient les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paulus Cua publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc-âm tự-vị, on pourrait hardiment opposer le nouvel onvrage de M. Lê văn Hòe

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ  
Annam Nouveau du 22-3-42

Thư và ngân phiếu đẽ

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đọc QUỐC-HỌC  
THƯ-XÃ, 16bis Tiên Tsin HANOI

sẽ trở nên khó chiều. Lắm phụ-quán thường bán khoán nôi ấy. Chiều bề trên, dong bề dưới, ở ăn hồ dễ vira lòng ; canh cho ngọt, com cho lành (17), thành kính sao cho tron đao ? Đương lúc mới-me, mà dạn dò moi nhẽ, rồi ra hương càng đượm. lữa càng nồng (18), biết ngang mày mà bưng án (19), ắt cũng nghĩ cho bù (20) ư ngày sau, mới biết tề gia nội trợ cũng do anh chồng chi sớm toan.

**HẠ CỒ** — Đời có kẻ coi bố me như người đưng nước lã, đến nỗi thờ những điều oán-hân chi ngôn ! Sao chẳng nghĩ công cha như núi Thái-sơn, công mẹ như nước trong nguồn chảy ra ? Chẳng đau chẳng xót, lại ra điều chữa võ bọng đã đòi bay (21), sao chẳng hiểu con dai cái mạng chi lý ? Cha dạy con dốc lòng hieu thảo, kia quạt nồng ấp lạnh đã biết gì, này gần mực thì đen, gần đèn thì sáng (22), ra đường ra ngõ phải nghe nhời vú chi dõ-dánh. Khát thì đòi uống, đói thì đòi ăn, chớ có ăn sống nuốt tươi, e nôi quít cam chi tổn thuốc.

— Đời có kẻ tưởng chồng như ăn sồi ở thì, đến nỗi giờ những thói chua ngoa chi tề. Sao chẳng nghĩ khôn-ngoan cũng thế đàn bà, tuy là vụng dại cũng là đàn ông ? Chê ông chê eo, lại ra sự bắt được chân lán đến cõ (23), sao chẳng suy xấu chàng ai hồ chi cơ ? Anh khuyên mình giữ đạo thuận tòng, kia sửa túi nâng khăn

chưa nói đến, này đôi thì cho sạch, rách thì cho thơm(24), gần họ gần hàng, chớ lộ nhân tình chi kia khác. Biết thì thừa thốt, chẳng biết thì dựa cột, chớ nên giáy cả giáy muốn, sợ hoặc ong én chi lắm điều.

**THỨC KẾT.** — Này vợ, này con : tại gia tòng phụ, yếu con mới cho voi cho roi : xuất giá tòng phu nề vợ mới đỡ ngon đỡ ngọt. Nhớ đấy !

1) Khâm định Việt-sử thông-giám cương mục, chính biên, quyển III, tờ 33b — 34a.

2) Cõi Tri-Tấn từ số 10.

3) Người làng Lỗc-dư, tổng La-phù, phủ Thường-tiến, tỉnh Hàđông.

4) Một thứ sách thuộc loại tiểu thuyết rất cổ của Tàu trong nói về việc vua Châu Mục-Vương đi tây. Sách này gồm có sáu quyển, được phát kiến từ đời nhà Tấn và do Quách-Phác chú giải.

5) Quốc-sử chưa rằng không rõ thiên Y quốc này ở sách nào, mà chúng tôi tra trong Từ-nguyên cũng không thấy nói đến.

6) Hỏi những nghĩa ngữ trong kinh.

7) Thơ dùng lối ngữ ngôn trường thiên ; phú dùng thể phú tám vần.

8) Cương mục, chính biên, quyển VIII, tờ 41b — 42a.

9) Cuốn thứ nhì, trang 93. Sách này in tại Đông-kinh ấn-quán, 1918.

Từ đây trở xuống là lời chua của cụ Tạ Ngọc-Tảo :

10) Tục ngữ : bé chẳng vin, cả gãy cành.

11) Bỏ bãi chẳng bằng phải.

12) Chớ nho là : nhân chi sơ, tính bản thiện.

13) Thổ thổ như trẻ lên ba.

14) Tục Tích nhà Hán còn bó, đi ăn cõ đất quít quít vào tay áo để phần bố n e

15) Khổng-Dương lên bốn, biết nhưng ng lẽ cho anh.

16) Ở nào là út chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

17) Tục ngữ : Com chẳng lành, canh chẳng ngọt. Ý nói rằng dâu đầu độn.

18) Câu truyện Kêu nói vợ chồng y cừ như.

19) Nàng Mạnh - Quang kính chồng, bưng com giờ ngang mày.

20) Nàng Thôi-phụ cho mẹ chồng bú.

21) Tục ngữ.

22) Tục ngữ.

23) Tục ngữ Ý nói bắt nạt chồng.

24) Tục ngữ.

Đón xem

LOẠI SÁCH  
QUÊ HƯƠNG  
I

**Trần Can**

kèm thêm

(LÝ CHIÊU-HOÀNG)

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt nam.

Đã diễn ba lần (Thanh hóa 3-2-40, Bắc-ninh 25-3 10, Vinh 8 2-44) kết quả đều rất rực rỡ. Một thi phẩm tuyệt tác (Hải Triều)

của

**PHAN-KHẮC-KHOAN**

người đầu tiên chuyên viết kịch bằng thơ theo sự tích của quê-hương đất nước.

**RƯỢU**

Duboquina  
Le Bateau

Cam Xả-Doài

Ngũ - gia - Bì

Alcools médicamenteux

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.

Hiệu Ngọc Hương 48 phố Sinh-tử Hanoi

Tổng phát hành Bắc-kỳ.

Nhà chế tạo : **Đào-Viên**, 117 *Maréchal Foch* Vinh.

Sự-nghiệp trước thuật của cụ  
TRƯƠNG VINH-KÝ (1837-1898)

Trong 31 năm cụ trước-thuật được  
118 pho sách, tính trung-bình mỗi  
năm làm được từ 3 đến 4 quyển  
LONG-ĐIỀN

**C**Ụ TRƯƠNG VINH-KÝ là một danh-nhân của nước ta và cả thế-lời (tỉ-giới thập bát vạn-hào, cụ Trương Vinh-Ký đứng thứ 17), về thể-kỹ thứ 18 Thân-thế và công-nghiệp, tài-năng và phẩm-giá của cụ, nhiều báo sách nói tới rõ-ràng, song chưa thấy mấy ai kê-rõ các sách của cụ trước-thuật để nêu thêm một tấm gương sáng cho hậu-thế, và để làm tài-liệu cho quyển *Nam-Việt văn-học sử* sau này.

Chúng tôi để ý sưu-tầm đã lâu, may được ông bạn Thọ-Xuân ở Bến-tre Nam-kỳ giúp sức, đã tìm được một bản kê các sách của cụ trước-tác và dịch-thuật.

Xét qua những số sách của cụ trước-thuật, trong một khoảng 31 năm trời, tính từ quyển đầu tiên vào năm 1867, không kể những bài đăng báo, lại không kể những công-việc hằng ngày như dạy học ở trường Thí-sai (Collège des stagiaires), là trường dạy những người Pháp tập làm các chức quan-lại ở Nam-kỳ đời bấy giờ, và chủ trương tờ báo quốc-văn « Gia-định báo », cụ đã trước-thuật được 118 quyển sách, vừa là sách phổ-thông, vừa là sách nghiên-cứu về sử-học và ngữ-học Tinh trung-bình, mỗi năm từ 3 đến 4 quyển và chuyển làm trong 31 năm.

Như vậy, thật là chuyên-cần và kiên-nhẫn. Sau cụ, đến nay trong nước ta, thực chưa đã có ai theo kịp cái thành-tích lớn-lao rục-rở đó.

1) Năm 1867 — *Abrégé de grammaire annamite*.

2. Năm 1867 — *Contes annamites*  
*Truyện đời xưa*.

3. Năm 1868 — *Cours pratique de lanouge annamite à l'usage du Collège des Interprètes*

4. Năm 1872 — *Grammaire française... Mèo lu<sup>h</sup> dạy tiếng Lanasa*.

5. Năm 1885 — *Petit cours de Géographie de la Basse-Cochinchine*.

6. Năm 1885 — *Kim Vân Kiều — Poème transcrit pour la première fois en quốc-ngữ avec des notes explicatives précédé d'un résumé succinct du sujet en prose et suivi de quelques pièces de vers relatives à la même histoire*

7. Năm 1885 — *Histoire annamite en vers — Đoi-năm sử-ký d'ên ca*.

8. Năm 1885 — *Cours de langue annamite (au'ographe)*.

9. Năm 1885 — *Cours de langue mandarine ou de caractères chinois autographe*.

10. Năm 1876 — *Sách văn quốc-ngữ*.

11. Năm 1876 — *Sử-ký Nam-việt*.

12. Năm 1876 — *Sử-ký Trung-hoa*.

13. Năm 1876 — *Từ thư bằng chữ Hán và chữ Quốc-ngữ (in thạch bản)*.

14. Năm 1877 — *Sơ-học văn-tân — Rertoire pour les nouveaux étudiants en caractères chinois*.

15. Năm 1879 — *Cours d'Histoire annamite en 2 volumes*.

16. Năm 1881 — *Chuyện đi ra Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876)*.

17. Năm 1881 — *Retraite et apotheose de Trương-Lương*.

18. Năm 1882 — *Trương Lưu-Hầu phú*.

19. Năm 1882 — *Saigon d'autre-fois*.

20. Năm 1882 — *Saigon d'aujourd'hui*.

21. Năm 1882 — *Chuyện khôi-hài*,

22. Năm 1882. — *Kiếp phong-trần (in lần thứ ba)*

23. Năm 1882 — *Fa's ce que dois, advienne que pourra*.

24. Năm 1882 — *Nữ-tắc (in lần thứ hai)*.

25. Năm 1882 — *Thơ dạy làm đũa*.

26. Năm 1882 — *Défauts et qualités des filles et des femmes*.

27. Năm » — *Les convenances et les civilités annamites*.

28. Năm 1883 — *Guide de conversations annamite-français*

29. Năm » *Maitre et Elève sur la grammaire française*.

30. Năm » — *Ecole domestique ou un père à ses enfants*.

31. Năm » — *Bài Hịch con quạ*.

32. Năm » — *Thanh suy bĩ thái phú*.

33. Năm » — *Un lettré pauvre — Hàn nho phong vị phú*.

34. Năm 1884 — *Grammaire de la langue annamite*.

35. Năm » — *Tam tự kinh*.

36. Năm » — *Sơ học văn-tân*.

37. Năm » — *Mắc cúm từ — La dingue*.

38. Năm » — *Jeux et opium*.

39. Năm » — *Ngư Tiều trương diển*.

40. Năm » — *Hàn móng ca — Transcription et traduction en annamite et en français*.

41. Năm 1886 — *Conférence sur le souvenir historique de Saigon et ses environs*.

42. Năm » *Cours de la langue annamite aux Européens — Phraséologie, Thèmes, Versions*.

43. Năm » *Cours d'Annamite aux Elèves Européens — Explications du Lục-vân-Tiên*.

44. Năm » — *Prosodie et Versification Annamite — Cours d'Annamite aux Elèves Annamites*.

45. Năm » — *Cours d'Annamite aux Elèves Annamites — Explication du Lục-vân-Tiên*.

46. Năm » — *Kim-vân-Kiều en prose — Converti et commenté en langue vulgaire pour les élèves annamites*.

47. Năm » — *Théatres, Comédies, Chansons Annamites — Cours aux Elèves Annamites*.

48. Năm 1887 — *Cours en caractères chinois, 2<sup>e</sup> Année — Explications du Mencius, 1<sup>er</sup>èmes, Versions et expli*

Cattons des pièces officielles.

- 49. Năm 1887 — Vocabulaire des mots usuels, Noms et termes techniques, scientifiques et administratifs
- 50. Năm » — Tam thiên tự giải nghĩa.
- 51. Năm » — Résumé de la chronologie de l'histoire et de la production de l'Annam en tableaux synoptiques.
- 52. Năm » — Précis de géographie
- 53. Năm » — Les six animaux domestiques — Lục súc.
- 54. Năm » — Dispute de mérite entre les six animaux domestiques — Lục súc tranh công.
- 55. Năm » — Alphabet français pour les annamites.
- 56. Năm 1888 — Miscellanées ou Lectures instructives pour les Elèves des Ecoles et les Familles — Publications mensuelles brochées en 2 volumes.
- 57. Năm » — Đại-nam tam thập nhất lĩnh thành đồ.
- 58. Năm 1889 — Quatre livres classiques en caractères chinois et en annamites — Đại-học, Trung-dung.
- 59. Năm » — Lục vân tiên.
- 60. Năm » — Phan Trần.
- 61. Năm » — Cours de Siamois.
- 62. Năm » — Grand Dictionnaire Annamite-Français.
- 63. Năm » — Đại-nam tam thập nhất lĩnh địa đồ.
- 64. Năm 1890 — Cours de Cambodgiens Ecritures et Langue.
- 65. Năm » Vocabulaire du Cours d'Annamite.
- 66. Năm » — Vocabulaire du Cours de caractères chinois.
- 67. Năm 1891 — Cours de littérature chinoise.
- 68. Năm » — Cours de littérature annamite.
- 69. Năm » — Programme général d'Etudes dans les Ecoles annamites.

- 70. Năm 1891 — Modèles des pièces officielles et administratives en caractères.
- 71. Năm » — Généalogie de la Famille de P. Trương-vĩnh-Kỳ.
- 72. Năm 1892 — Si viển gia thao.
- 73. Năm 1893 — Cours de langue Malaise.
- 74. Năm 1894 — Cours d'Annamite parlé (vulgaire).
- 75. Năm » — Grand dictionnaire Français-Annamite.
- 76. Năm » — Grammaire de la langue chinoise.
- 77. Năm » — Mẹo tiếng Annam.
- 78. Năm » — Langage de la Cour en Extrême-Orient.
- 79. Năm » — Vocabulaire français-malais.
- 80. Năm » — Guide de la Conversation Malaise-Française.
- 81. Năm » — Vocabulaire Française-Cambodgien.
- 82. Năm » — Guide de la conversation Cambodgienne-Française.
- 83. Năm » — Vocabulaire Français-Siamois.
- 84. Năm » — Guide de la conversation Siamoise-Française.
- 85. Năm » — Cours de langue Birmane.
- 86. Năm » — Vocabulaire Birman-Français.
- 87. Năm » — Guide de la conversation birmane-française.
- 88. Năm » — Cours de Ciampoï.
- 89. Năm » — Vocabulaire Français Ciampoï.
- 90. Năm » — Guide de la conversation ciampoïse française.
- 91. Năm » — Cours de langue laotienne.
- 92. Năm » — Vocabulaire laotien-français.
- 93. Năm » — Guide de conversation laotien-français.
- 94. Năm » — Cours de langue Tautoute.
- 95. Năm » — Vocabulaire Tautoute-français.
- 96. Năm » — Guide de conversation tautoute-français.

Quốc-gia Cách-mệnh chỉ là con số cộng những sự thăng lợi của con, mà vì công-ích, chúng ta đã phải đánh nhau với ích-kỷ, tập-quần và nhất là thời bài bác, nói láo nói lếu.

- 97. Năm » — Cours de langue indoustane.
- 98. Năm » — Vocabulaire indoustan-français.
- 99. Năm » — Guide de conversation indoustano-française.
- 100. Năm » — Minh tâm — Le précieux miroir du Cœur en 2 volumes.
- 101. Năm » — Cours de géographie générale de l'Indochine avec cartes générales et particulières en 6 parties: 1. La Cochinchine Française, 2. L'Annam central, 3. le Tonkin, 4. le Cambodge, 5. Le Siam et 6. la Birmanie.
- 102. Năm » — Cours d'Annamite écrit (mandarin ou caractères chinois)
- 103. Năm » — Mencius — Mạn-hử.
- 104. Năm » — Luận-ngữ.
- 105. Năm » — Dictionnaire Chinois-Français-Annamite.
- 106. Năm » — Annam politique et social.
- 107. Năm » — Dictionnaire biographique annamite ou De Viris illustribus regni Annamitici.
- 108. Năm » — Flore annamite.
- 109. Năm » — Produits de l'Annam
- 110. Năm » — Dictionnaire géographique annamite.
- 111. Năm » — Les droits de l'Annam dans la vallée du Mékong (Mémoires sur).
- 112. Năm » — Recueil des chansons populaires annamites.
- 113. Năm » — Recueil d'oraisons funèbres annamites.
- 114. Năm » — Recueil de pièces de théâtre annamites.
- 115. Năm » — Sujets historiques des poèmes annamites.
- 116. Năm » — Etude comparée sur des langues, écritures, croyances et religions des peuples de l'Indochine.
- 117. Năm » — Combinaisons des systèmes d'écriture géographique, hiéroglyphique, phonétique alphabétique.
- 118. Năm » — Etude comparée des langues et des écritures des trois branches linguistiques.

Chúng tôi khảo cứu mới biết được có 118 quyển như trên, chắc đã là đầy đủ. Vậy mong các bậc cao-tài bác-học trong nước, vị nào thấy lầm sót, xin vui lòng chỉ giáo cho. Thật là vạ hạnh.

LONG-ĐIỂM

**Kỳ thi Sơ-học pháp Việt sắp tới**

Các giáo viên nên cho học trò luyện thêm ở quyển

**82 BÀI LUẬN QUỐC-VĂN**

của ông Giáo Nguyễn Đức-Bảo soạn

mới in lại lần thứ 2, giá Op.40 — cước Op.10

Đề cho Đông-tây thư quán, 195 hàng Bông, Hanoi

# TRUYÊN VUA ĐÌNH TIÊN-HOÀNG (968-979)

Bài nổi

Ứng-Hòa NGUYỄN VĂN-TỐ

## XV. — Sự-tích Lê-Hoàn

Hôm sau sầy thấy Lê-Hoàn (1),  
 Quê trong Phủ-lý, ở ngàn Thanh-liêm (2).  
 Cha là Lê-Mịch chẳng hiền,  
 Mẹ là Đặng-thị, hợp duyên vợ chồng.  
 Vui thay giữ đạo tam tông,  
 Vốn lòng kính tin, chẳng lòng tà-gian.  
 Chút chẳng có sự loạn đân,  
 Vui bề cây cấy, dưỡng nhân thú què.  
 Đặng-thị đức hạnh dụng nghi,  
 Thế ắt khôn bi, người ắt khôn phen.  
 Lấy nhau vừa dựng đời niên,  
 Phúc đức người trước để truyền đời sau.  
 Thu về nguyệt lãng giới thâu,  
 Nàng vừa mới giã ban dầu canh hai.  
 Bồng cơn tốn-nhị đưa mùi,  
 Thoảng đầu bâng-láng gió giới đưa hương.  
 Chiêm-bao thấy sự lạ nường,  
 Bồng đầu sen nở vào nường nang rày.  
 Bến lền bề lấy cầm tay,  
 Cho chúng án rày, mình lại miệng không (3).  
 Từ ấy hẳn động thai cung,  
 Nguồn máu nước chẳng thấy thông thái hồ.  
 Đến kỳ mãn nguyệt sinh ra,  
 Trên giới mây phủ, dưới nhà hương xông.  
 Được một nam-tử lạ-lùng,  
 Mày Nghiêu lơ-lộ, mặt rồng háy-háy.  
 Có di mừng báo rằng: « Nay,  
 « Sau ắt người này chủ họ nhà ta.  
 « Toàn gia cùng được vinh-hoa ».  
 Nào hay song bóng nên nga nhỡn tiền,  
 Nhớ lên trí ngộ tài hiền,  
 Ra danh hào-kết, kết nguyên trượng-phu.  
 Thấy đời rắp đuổi loạn Ngô,  
 Đem binh tử-dệ đến thờ Đình-công.  
 Hào-ngay khuya sớm một lòng,  
 Vạc thang chẳng chạy, gai chông chẳng hiềm.  
 Đình-hoàng yêu dãi trọng quyền,  
 Binh nấy muốn nghìn giữ cõi hải-biên.

## XVI. — Đình-Bộ-Linh thay quyền

Trần Minh-công

Đình-hoàng từ được Trần-quyền,  
 Đức muốn vô chàng, ơn nghìn trị dân.  
 Nào đâu là chẳng xưng thần?  
 Nào đâu là chẳng đợi ơn đạo-đời?

Tựa nường vàng Phổ mây trời,  
 Một giới gió dậy, chín giới cũng thanh.  
 Dân mừng ca ngợi song sinh,  
 Tượng giới hẳn mở thái-bình từ đây.  
 Từ ấy uy động tiếng bay,  
 Càng năm càng nhớn, càng ngày càng xa.  
 Người đều diu-dắt trẻ già,  
 Nước lòng tim đến cùng hòa làm tới.  
 Sĩ-quán ai nấy nghe hơi,  
 Rằng Trần dưỡng-tử có tài đem binh.  
 Tinh thôn lòng ắt đã đành,  
 Chúc tung biết mấy, chúc hoành kê muốn.  
 Ra tài táo dặng, kiên-khôn,  
 Cõi bờ sấm-sửa nước non về cùng.  
 Ngẫm thời Chu-mạt chiến-phong,  
 Xuân-thụ chưa dứt, thất hùng đã ra.  
 Cùng nhau gìn-giữ quan-hà,  
 Phòng tuần tước đoạt để hòa ngự coi.  
 Trần-công tuy chưa có giai,  
 Cây rề có tài, xem vũng mười con.  
 Tuần này cơ-nghiệp càng bền,  
 Chẳng lo chéch-lệch, chẳng phiền nổi-nông.  
 Chúc Trần đã nên anh-hùng,  
 Bảo toàn mình lại vẹn công họ-hàng.

## XVII. — Trần Minh-công tạ thế

Tuổi nhiều già lẫn có thương,  
 Người nhân tật nặng, long-sàng giới-giảng.  
 Vời Đình-hoàng lại dặn rằng:  
 « Cơ-hội này chớ dùng-dặng làm chi.  
 « Trượng-phu công-nghiệp có kỳ,  
 « Giới cho chẳng lấy lại thì ăn-năn.  
 « Bay đời thập-nhị sĩ-quán,  
 « Tài bé chẳng tri kinh-luán trong đời.  
 « Già xem chẳng có hai nuôi,  
 « Chớ lòng trẻ nấy, tới người khác toan ».  
 Thời bèn thoát nhảm trong màn,  
 Đình-hoàng ấp lấy, khóc than ngùi-ngùi.  
 Nhớ công nuôi-nấng hôm mai,  
 Sinh dùng nghĩ thác, biết đời nào quên.

## XVIII. — Đình Bộ-Linh dẹp yên mười hai sứ quân

Sấm-sanh trợ-táng vừa yên,  
 Đình-hoàng truyền lệnh quân quan ra đời.  
 Chử rằng: xuân bất tại lai,



Một ngày há có hôm mai hai lần ?  
 Ai ai hiển sách đầy sân,  
 Thành nhân quả quyết, bại nhân dùng-dăng.  
 Tôn Đinh là Bách-thắng vương (4),  
 Sửa-sang thuyền bộ mở-mang cõi bờ.  
 Binh ra thuận gió thuận mưa,  
 Thiên-thời địa-lợi, nhân-hòa dưới trên.  
 Lũy nào lũy chẳng phá tan,  
 Giặc nào giặc chẳng lo toan về đầu ?  
 Lấy thành như thề hái rau,  
 Khác nào mãnh hổ xông vào đàn dê.  
 Bắc nam mảng tiếng tìm về,  
 Kinh rền oai sấm, dậy he hơi hùm.  
 Những loài tổn áo hao cơm,  
 Khi rồi nói lý, khi làm sun tay.  
 Thấy binh kéo đến chạy ngay,  
 Lấy mình làm trọng, lấy thầy làm khinh.  
 Giang sơn rừng núi quét thanh,  
 Sư-quân thập-nhi, phá mạnh lâu-lâu.  
 Kẻ thì thua trận xuống đầu,  
 Kẻ thì lão tử, kẻ âu trầm mình.

### XIX. — Đinh đô, xưng nước, sắp đặt triều-đình.

Nhấn dành nước chẳng dao binh,  
 Loan-xa thánh-giá về thành Hoa-lư.  
 Lấy làm thang-mộc định đô,  
 Lên ngôi bảo-vị, làm vua trị đời.  
 Nước xưng Đại-cổ nổi giong (5),  
 Xây thành lập lũy, trong ngoài sửa-sang.  
 Lại xưng Đại-thắng thiên-hoàng,  
 Định quan văn võ, sắp hàng triều-ban.  
 Lệ triều thượng-quốc sáng quan,  
 Chọn tài báo-sinh khôn-gioan thối-từ.  
 Binh đặt có vệ, có cơ.  
 Một ngũ một cờ, một hiệu một voi.  
 Bắc, Điền, Lư, Trịnh bốn người,  
 Tước phong thái-úy, chức ngồi quốc-công.  
 Hoàn cai thị-vệ triều trong,  
 Kỳ dư định thứ, phân phong trong ngoài.  
 Mừng thay quốc trị lâu dài,  
 Thư son khoán sắt, chép đời tôi con.  
 Nhấn dầu bề cạn non mòn,  
 Công nghiệp hãy còn, con cháu hãy vàng.  
 Thiên-hạ mừng thấy thái-bình,  
 Thăng-hăng chúc thánh, cương-lăng trị đời (6)  
 Khôn thay máy nhiệm ở giong,  
 Sấm bên thấy đọc miệng loài tiểu-nhi.  
 Sấm rằng : « Đổ-Thích thì Đinh Đinh,  
 « Lê-gia xuất thánh mình ».  
 Tiếp-lục văn : « Thái-bình ngũ niên hữu thử sấm  
 ngữ. » (7). (Còn nữa)  
 (Trích ở quyển Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ, sách

viết bằng chữ nôm của Trương Báo-cổ, số AB 478.  
 tờ 64 b. — 66 b.)

1) Lê-Hoàn làm thập đạo tướng-quân cho nhà Đinh, sau làm phó-vương, rồi lên ngôi vua (từ năm 980 đến năm 1005, đất hiệu là Lê Đại-Hành, đóng đô ở Hoa-lư, thọ 65 tuổi (941-1005)

2) Đại-Việt sử-ký (bản-kỷ, quyển 1, tờ 19b) chép « Lê Hoàn là người làng Biêu-thái, huyện Thanh-liêm, không phải là người châu Ái. Cựu-sử chép châu Ái là nhâm ». Ấy thế mà vẫn có sách chép là châu Ái, như quyển Table chronologique des dynasties annamites của ông L. Cadière đăng trong tập kỷ-yếu của Trương Báo-cổ, quyển V, trang 85.

3) Chuyện chiêm-bao mà Đại-Việt sử-ký (bản-kỷ, quyển 1, tờ 19a) cũng chép như thế này : « Cha Lê - Hoàn tên là Mịch ; mẹ họ Đặng, trước khi thụ thai, mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, một chốc kết quả, cầm lấy chia cho người ta, mình không ăn. »

4) Sử chép là Vạn-thắng vương, không chép là Bách-thắng vương nhưng nghĩa cũng như nhau. Chữ nho có câu « bách chiến bách thắng », nghĩa là trăm trận đánh trăm trận được, Do chuyện Hạng-vũ đánh nhau với Bái-công, trận nào cũng được (Bổ-chính thiếu-vi, quyển 3, tờ 86a).

5) Ở câu này phải đọc là Đại-cổ, không đọc là Đại-cổ. Quyển Khang-hi tự-diện chưa cả hai âm : cổ với cở, và cắt nghĩa một chỗ là «trông thẳng» (trông thị). Như thế thì có nhẽ chữ Đại-cổ. Viết nghĩa là nước Việt nhón trông suốt cả bốn cõi, hay tám cõi (bát hoang) theo lối ngày xưa.

6) Đoạn này kẻ sơ-lược quá, nên lấy sử chữ nho ra chép thêm những việc sau này : « Năm Mậu-thìn (968), Đinh-Bộ-Lĩnh lên ngôi, đất quốc-hiệu là Đại-cổ-Việt, đóng đô ở Hoa-lư. Lúc mới muốn đóng ở Bâm-thôn, vì chỗ đất chật hẹp, lại không lợi về việc đặt nơi hiểm-yếu, nên dời đến động Hoa-lư, dựng kinh-đô mới, đắp thành đào ao, làm cung điện, đặt lễ nghi trong triều. Quân thần dâng tôn-hiệu là Đại-thắng Minh hoàng-đế. Vua Đinh muốn lấy oai trấn thiên-hạ, bèn đặt vạc nhón ở sân, nuôi hổ dữ ở cũ, hạ lệnh rằng ai trái phép thì chia tội mở cho hổ ăn thịt : người ta đều sợ phục, không ai dám phạm... Năm canh-ngho (970) đặt niên-hiệu là Thái-bình thứ nhất. Xét năm có hiệu thì bên Tàu có từ Hán Vũ đế (140-80 trước kỷ-nguyên), bên ta có từ Lý Nam-đế, đất là niên-hiệu Thiên-đức (544-548) : như thế thì việc đặt niên-hiệu không phải là việc sáng-kiến của nhà Đinh ; sách cũ chép Đinh Tiên-hoàng đặt niên-hiệu đầu tiên là không phải, nên bỏ đi... Năm tân-mùi là năm Thái-bình thứ hai (971) định giai-phàm văn võ, tăng-đạo, lấy Nguyễn-Bặc làm Định-quốc-công, Lư-Cơ làm đô-hộ-phủ sĩ-sư. Lê-Hoàn làm thập đạo tướng-quân, tăng-thống là Ngô-chân-Lư cho hiệu là Khuông-việt đại-sư, Trương Ma-Ni làm tăng-lục đạo-sĩ, Đặng-huyền-Quang làm Sùng-chân uy-nghi... Năm nhâm-thân là năm Thái-bình thứ ba (972) Đinh Tiên-Hoàng sai con là Nam-Việt vương Đinh-Liễn sang nhà Tống dâng lễ-vật. Năm quý-dậu là năm Thái-bình thứ tư (973) Đinh-Liễn tự nhà Tống về. Nhà Tống sai sứ sang sách phong, cho Lê-lân làm Kiểm-hiệu thái-sư, Tịch-hải quân tiết độ-sứ, An-nam đô-hộ, vua Đinh làm Giao-chỉ quận-vương... Năm giáp-tuất là năm Thái-bình thứ năm (974) định quân mười đạo : một đạo mười ngàn, một ngàn mười lữ, một lữ mười tốt, một tốt mười ngũ, một ngũ mười người, đều đội

mũ « tứ phương bình đỉnh », là mũ bằng da, bốn bên khảm vào với nhau, tròn hẹp dưới rộng, gọi là bình-đỉnh (bằng đản). Sử-thần Ngô-thời-sĩ bàn rằng : « Xét phép quân-lũ kỹ, tự một ngũ mười người, đến một đạo mười quân, tính số thì mỗi quân một vạn người, tổng số mười đạo quân, thành một trăm vạn người. Lấy số mặc lương ăn cho một trăm vạn người, phải phiền đến sự cung-ưng của vài ức vạn người. Sức-lực một nước, hầu sao chịu nổi ? Hẳn bấy giờ chưa phân biệt người đi lính với kẻ làm ruộng : có việc thì gọi ra, xong việc thì cho về làm ruộng. Hoặc giả như phép chọn binh của tử trấn nước này, chỉ cần có ngạch ở số lính mà thôi. Sách-vở vốn ít, thế-đại lại xa, khiến cho người đọc sử không biết được gốc ngọn của việc kén quân bấy giờ... » Năm Ất-hợi là năm Thái-bình thứ sáu (975) định số mũ quan văn quan võ. Sai sứ sang nhà Tống ; nhà Tống phong Liễu làm Giao-chỉ quân-vương. Từ đấy về sau, khi sai sứ sang nhà Tống, đều lấy Liễu làm chủ... Năm bình-tý là năm Thái-bình thứ bảy (976) những thuyền buôn các nước đổ ở ngoài bể, đáng phưung vật. Những người đi buôn ở bể đáng phưung-vật, cũng như đi qua cửa ải hay bến đò, phải đưa dấu hiếu làm tin. Đối với quốc-thế, không quan-hệ gì, cho nên bỏ đi không chép Từ nhà Li nhà Trần trở về sau, cũng bắt-chước bỏ đi, không chép (...). » (dịch ở Đại-Việt sử-ký tiền-biên, bản-kỹ, quyển 1, tờ 2b-6b; Đại-việt sử-ký toàn thư, bản kỹ, quyển, tờ 2b-4b ; và Khâm định Việt-sử thông-giám cương-mục; chính biên, quyển 1-

tờ 5a-7a, chép cũng gần giống như thế ; những chỗ khác nhau sẽ bàn sau).

7) Nghĩa là « Đổ-Thích giết hai họ Đinh, nhà Lê sinh ra vua thánh-minh. Sách Tiếp-lục chép rằng nhờ năm này có từ năm Thái-bình thứ năm, 974 » Tuy là nhờ năm, mà sử chữ nho cũng chép cả. Quyển Đại-Việt sử-ký toàn-thư (quyển 1, tờ 6a) chép toàn bài như sau này : « Đổ-Thích thì Đinh, Lê-gia xuất thánh-minh. Cảnh đần đa hoành nhi, Đạo lộ tuyệt nhân hành. Thập-nhị xưng Đại-vương, Thập-ác vô nhất thiện. Thập bát tử đặng tiên, Kế đồ nhị thập thiên », nghĩa là Đổ-Thích giết cha con họ Đinh (Đinh-Tiên-Hoàng và Đinh-Liễn). Nhà Lê sinh ra vua thánh-minh) Lê-Hoàn, tức Lê Đại-hành Đổ đầu nhiều đũa ngang-ngược (đổ đầu với Lê-Hoàn có Đinh-Điền Nguyễn-Bặc, v. v.). Đường xá đứt người đi (vì dân chết hại quá nửa). Mười-hai con xưng Đại-vương (Lê-Hoàn phong mười hai con làm tước vương). Mười đũa con ác, không có một đũa thiện (con Lê-Hoàn tranh nhau, giết nhau). Mười-tám gã lên tiên (từng chữ thì nghĩa là thế ; nhưng chính thật ra thì phải giải ra như thế này : theo lối viết chữ Hán, ba chữ thập-bát tử chấp lại thành chữ Li, ý nói nhà Li làm vua). Tính được hai-mươi kỷ (tức là 240 năm, vì theo sách Bô-chính thiên-vi, quyển 4, tờ 7a, mỗi kỷ là hai-mươi năm, nhưng thực ra, nhà Lê làm vua có 216 năm, từ năm 1009 đến năm 1225).

Ưng-Hóa NGUYỄN VĂN-IO sao lục

**VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC**

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng :

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên

Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p. } tiền cước gửi  
Loại đặc biệt 13p.00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92  
Loại đặc biệt 13p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi.

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước  
Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

**Nhà in Mai-Linh Hanoi**

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuộc của hội Y-học Trung-kỳ

**VIỆT-NAM VĂN-HỌC**

do NGÔ TẤT-TỔ chủ trương

1. Lý triều văn học

2. Trần triều văn học I

3. Trần triều văn học II

4. Lê triều văn học I

5. Lê triều văn học II

6. Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên

Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên  
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả :

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.  
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi  
Loại đặc biệt 15 p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.  
Loại đặc biệt 3 p. 00 }

Nhà in MAI-LINH Hanoi xuất bản

Tài-liệu đề đình-chính  
những bài văn cổ

Số 22

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XCII

Tổ-thị hồi-văn (1)

Chàng vàng chiếu sai ra biên-ngũ,  
Tiễn chàng đi tới giữa hà-kiền.  
Ngậm-ngùi sẽ dặn mấy điều:  
Ân-tình chớ nở bỏ liều đi lâu!  
Ai hay đâu chảy rồi tin vắng?  
Bức bình-vi chứt chẳng hơi xuân!  
Thềm quỳnh vẻ biếc in ngần,  
Màn san-hồ đỏ, hồng-trần chan-chan.  
Nỗi ly-biệt động bàn thêm hải!  
Mong chốn nào được lại gặp người:  
Một xin làm nguyệt bề khơi,  
Một xin làm áng mây trời đầu ghềnh!  
Mây kia với mặt mình thường gặp,  
Nguyệt kia từng soi khắp đời nơi.  
Bên chàng đi lại chẳng đời,  
Dấu nghìn muôn dặm xa khơi thấy liền.  
Đường thăm-thăm cách miền sơn hải,  
Giận nỗi chàng khách mãi phương xa!  
Khi đi lau mới vàng pha,  
Lại nay mấy độ mai hoa trắng rồi!  
Hoa man-mác gặp hồi xuân nở,  
Ý xuân này biết giờ cùng ai?  
Vì chàng cánh liễu vin hoài,  
Hoa rơi đầy đất, vắng người phù chi!  
Sân xuân thảo xanh-ri một lượt,  
Ôm đàn tranh tha-thướt họa đường!  
Vì chàng nầy khúc tư-hương!  
Giọt tình gửi tới sóc-phương đó cùng:  
Sóc-phương đó non sông cách trở,  
Muôn dặm xa, tờ chữ ai mang?  
Giọt châu trên gối ngán-trang,  
Xiêm thêu mấy cánh hoa vàng rất cao.  
Vẳng nghe tiếng xuân hồng qua bến,  
Tình li-nhân đau đến nhường nào!  
Huỳnh còn, ruột đã như bào,  
Ôn lâu, huỳnh chửa lựa vào khúc xong,  
Chang nhớ thiếp, tấm lòng này nặng,  
Thiếp nhớ chàng cũng chẳng chút nguôi!  
Đi làm một bản dâng giờ,  
Ngủ quên xin giả phỏng tới mau về.

(Chép theo quyển Quốc-âm thi-văn tập, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bặc-cổ, số AB 109, tờ 11 a - 12 a):

XCIII

Hương sơn phong cảnh ca (2)

Thủ tự-nhiên đầu bằng Hương-tích,  
Đủ thanh-tạo cảnh lịch trăm chiều:  
Người thì vui trĩ, thổ, số, nghiêu;  
Kẻ thì thích yên-hà phong-nguyệt.  
Kho vô-tận những chi ấy còn chưa biết,  
Thủ hữu-tình sơn thủy thực là đây.  
Khi dâng lâm đã ngược mấy lần giờ,  
Mây dưới gót đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng.  
Lúc nhập động ngoạn kỳ-ba thạch-đăng,  
Dấu thân-ngoan ai vẽ cho cùng;  
Riêng một bầu không sắc sắc không,  
Đủ mọi vẻ quidi kỳ kỳ quidi.  
Thơ rằng: « Động-chủ hữu linh thần-bút-tại;  
Hóa-nhi vô-ý tự-nhiên công » (3).  
Khách xuất quan ngành cũ lại mà trông,  
Lòng mến cảnh đời chân đi hóa đờng.  
Chén vận dịch nghiêng bầu uống gắng,  
Bức tiên-la mở túi ném đầy.  
Giải-oan ra, thoát tục lảng ngay,  
Thiên-trừ tới, vong cơ cang thầy khỏe;  
Lang thu-tửu còn đâu hơn dấy nhỉ?  
Chẳng bỗng-lai, nhữc-thủy cũng thần-liên;  
Rõ ràng đệ nhất Nam-thiên!  
Mang đi lại nề quản tiên mất lòng:  
Thôi thì hãy để chơi chung!

(Chép theo quyển Quốc-văn tùng-ký, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bặc-cổ, số AB 383, quyển hạ, tờ 92 b - 93 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ biên-tập

1) Có sách đề bài Tổ-thị hồi-văn là Tổ Huệ chức cầm hồi-văn. Bản dịch của ông Ngô thế-Vinh đã in ra quốc ngữ trong quyển thứ ba bộ Văn đàn đạo giám (in lần thứ hai, trang 58-59). Bản dịch mà chúng tôi sao lại ở trên kia chưa ai in ra quốc ngữ; sách Bặc-cổ không chép tên dịch giả.

2) Bài Hương-sơn phong cảnh ca đề là của vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497). Quyển Văn đàn bảo giám (I, in lần thứ ba, trang 126) đã in ra quốc ngữ, nhưng có đến hai mươi chữ khác với bản nôm của Trương Bặc-cổ, cho nên chúng tôi tưởng nên sao lại để giúp vào việc bổ chính sau này.

3) Hai câu thơ chữ ở bài Hương-sơn phong-cảnh nghĩa là: Động chủ có thiêng thì thần bút còn lại, thợ giờ không để ý mà được khéo tự-nhiên.

**N**HỮNG cuộc tấn công về mùa xuân sắp tới đã đặt kênh-đào Suez vào một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế. Dưới đây xin tường-thuyết việc bang-giao Anh và Ai-cập trong thế-kỷ thứ 19 và lịch-sử kênh-đào Suez để độc-giả nhân-lãm, trong khi tại miền Ai-cập, hai bên địch thủ sắp đem toàn-lực để chiếm lấy quyền kiểm-soát của con đường giao-thông Hồng-hải với Địa-trung-hải.

Theo địa-thế, thì xứ Ai-cập thuộc châu Phi, nhưng dân Ai-cập có nhiều chủng-loại xuất-xứ tại Trung-Á, lại có nhiều thời-kỷ tiến-bộ, cho nên Ai-cập vẫn có liên-lạc mật-thiết với khu-vực phía bắc Địa-trung-hải là những nước tiên-tiến trên bản-đồ Âu-châu và thế-giới.

Tuy trong vòng hai trăm năm nội-thuộc Ba-tư, nhưng cuộc chiến-thắng của vua Alexandre đã sáp-nhập Ai-cập vào phạm-vi Âu-châu.

Cuộc chiến-tranh về tôn-giáo của vua Louis IX giữa thế-kỷ thứ 13, cuộc viễn-chiến của vua Nã-Phá-Luân về cuối thế-kỷ thứ 18, đã để lại trên cánh đồng-bằng phì-nhiều xứ Ai-cập những mầm văn-minh tây-phương, một nền văn-minh đã dần dần tạo nên một xứ Ai-cập cường-thịnh có địa-vị quan-trọng trên dư-đồ thế-giới.

Người có công sáng-lập ra xứ Ai-cập hiện thời là Méhémet Ali. phát-tích tại Macédoine (phía bắc Hy-lạp). Méhémet Ali đầu quân theo với chỉ-hướng, rồi năm 1803, đứng chỉ-huy một đạo quân xứ Albanie (thuộc doi đất Ba-nhĩ-cán). Viên lãnh-sự Pháp là Mathieu de Lesseps đã từng được mục-kích nhờ hành-hạ vị vương-quyết của Méhémet Ali,

bên đặt cả hy-vọng vào vị anh-hùng niên-thiếu để phản - kháng lại cái dự định một cuộc chinh-phục của người Anh, rồi giới-thiệu với quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ cho Méhémet Ali cai-trị xứ Ai-cập khi đó là một tỉnh thuộc nước Thổ-nhĩ-kỳ.

Méhémet Ali có đủ tư-cách một viên đại-tướng, một nhà chính-khách.

Năm 1807 Méhémet Ali thắng quân Anh đổ-bộ lên xứ Ai-cập, và trưng bày tại Esbekien 450 thủ-cấp quân-sĩ Anh cho công chúng xem! Bốn năm sau, Méhémet Ali tiểu-trừ bọn thổ-phi Mamelouks, quét sạch một đàng đã bao lâu tàn-phá xứ Ai-cập. Dần dần thoát-ly chính-phủ Constantinople, Méhémet Ali cai-trị A-cập theo chính-kiến của mình.

Vốn tôn-sùng Hoàng-đế Nã-Phá-Luân, Méhémet Ali theo gương chính-trị của vị anh-hùng Pháp để tổ-chức lại xứ Ai-cập. Công-cuộc đầu tiên là khơi sông dẫn thủy nhập-diễn, đem lại sự phì-nhiều cho đồng-bằng Ai-cập, và thân-nhập nghề giồng bông là một nguồn lợi cho nền kinh-tế Ai-cập. Méhémet Ali cho thanh-niên Ai-cập sang Paris du-học và đem về Ai-cập các giáo-sư, kỹ-sư Âu-châu để dạy dân bản-xứ. Nhờ có mấy người Pháp cộng-tác, Méhémet Ali tổ-chức nên một đạo quân tinh-nhuệ và chinh-phục được xứ Sondan.

Đạo quân ấy đã từng sang giúp Thổ-nhĩ-kỳ chống nhau với quân Hy-lạp.

Sau trận ấy, Méhémet Ali đòi quyền cai-trị xứ Syrie Quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ Mahmond

Thời đàm

## XỨ AI-CẬP VÀ KÊNH-ĐÀO SUEZ

NHẬT-NHAM

không nghe, nên xảy cuộc chiến-tranh giữa Thổ và Ai-cập.

Ibrahim, thế-tử Méhémet, chiếm xứ Syrie, phá hai đạo quân Thổ và tiến thẳng đến kinh thành Constantinople (1831-1833). Quốc-vương Thổ cầu-cứu Nga hoàng. Một cơ-hội để Nga bành-trướng thế-lực tại Thổ, nên Nga hoàng phái một đạo quân và một hạm-đội đến giữ kinh thành Constantinople.

Trước tình-thế ấy, cả Âu-châu chấn - động: nước Anh, nước Pháp và nước Áo muốn trực-xuất quân Nga ra khỏi đất Thổ, bèn bắt quốc-vương Thổ phải nhường xứ Syrie cho Méhémet Ali.

Trước khi rút khỏi Constanti-nop'le, quân Nga ký mật-ước Unkiar-Skelessi (1833) tương-trợ với Thổ. Theo mật-ước, quốc-vương Thổ cam-đoan cấm chiến-thuyền các nước, trừ của Nga, không được vào eo biển Hắc-hải.

Năm năm sau (1839), quốc-vương Thổ Mahmond đem binh đánh lấy lại xứ Syrie, nhưng quân Thổ bị thua, mà quốc-vương sau cuộc thất-bại cũng thăng-hà, để lại một ấu-quân 16 tuổi.

Sau nhiều cuộc chiến-thắng, xứ Ai-cập trở nên hùng-cường. Người Anh không muốn một nước có đủ lực-lượng để một mai có thể uy-hiệp mình, nên tìm cách đập đổ xứ Ai-cập. Lord Palmerston họp tứ-cường: Bỉ, Áo, Nga, Anh để đánh Ai-cập. Vì Méhémet Ali có thiện-cảm với nước Pháp, nên Anh không hề bá-cáo cho Pháp việc kết-liên ấy,

Một tối-hậu-thư gửi cho Ai-cập bắt Chính-phủ nước ấy phải trả lại Thổ xứ Syrie và phải phục-tòng quốc-vương Thổ mà lâu nay Méhémet Ali định thoát-ly.

Hạm-đội của Đô-đốc Anh Napier phong-tỏa bờ biển, tấn-công vào Beyrouth, rồi thẳng đường kéo đến đánh Alexandrie là đô-thành A'-cập.

Nhờ có Hoàng-đế Pháp Louis Philippe và thủ-tướng Guizot can-thiệp, nên cuộc chiến-tranh kết-liệu, sau một hòa-ước ký tại Luân-đôn ngày 19 Avril 1841: Méhémet Ali phải trả lại vua Thổ xứ Syrie, nhưng được giữ xứ Ai-cập làm xã-tắc để truyền lại cho con giống (1841). Thế là cuộc chiến-tranh kết-liệu với cuộc phân chia nước Thổ-nhĩ-kỳ và sự thoát-ly của xứ Ai-cập. Theo sau đến sự thất-bại của Nga trong cuộc ngoại-giao: nước Pháp hô-hào các cường-quốc ký với Thổ một hiệp ước cấm các chiến-thuyền không được qua eo biển Bosfore và Dardanelles (1841), khiến hạm-đội Nga bị câu-giam vào trong Hắc-hải.

Từ ngày Ai-cập được thoát-ly phạm-vi Thổ-nhĩ-kỳ, Méhémet Ali đem hết tâm-lực để kiến-thiết nền-tảng xã-hội, thân-nhập văn-minh thái-tây để phục-hưng nền kinh-tế cũng như mở mang Ai-cập về phương-diện tinh-thần.

Tới năm 40 tuổi, Méhémet Ali mới bắt đầu học, nên càng hiểu sự cần-thiết cho một nước đương ở trong thời-kỷ nôï-thai như xứ

Ai-cập: sự mở mang về tinh-thần và khoa-học.

Đương lúc công việc tiến-hành, thì Méhémet Ali băng-hà.

Abraham và Abbas lên nối ngôi, không được bao lâu, đều bị chết một cách bi-thương. Con thứ ba cố-quân Méhémet Ali là Saïd kế-vị. Hoàng-tử lúc thiếu-thời đã từng du-học bên Pháp, nên sau khi làm vua, bèn theo gương vương-phụ, bỏ nhục-hình và cấm thân-nhập tục mãi nó vào Ai-cập.

Tân-quân đặt thêm đường hỏa-xa, cải-cách về việc điền-địa, bãi thuế thương-chính trong nước Ngại lại cho phép quân Anh mượn đường Ai-cập để sang dẹp loạn Ấn-độ và cho người Anh mở công-ty bưu-điện tại A'-cập.

Ngày 30 Novembre 1854 quốc-trưởng Saïd xuống dụ y cho De Lesseps tổ-chức công-ty để đào sông Suez.

Ferdinand de Lesseps đã có dịp biết nhà vua khi còn lưu-học tại Paris. Sau khi đức vua lên ngôi, de Lesseps được vào bộ kiến và đức vua không ngăn ngại phê chuẩn cho phép đào kênh Suez

De Lesseps sang ngay kinh thành Constantinople, được quốc-vương Thổ-nhĩ-kỳ cũng đồng-y cho phép khơi kênh Suez.

Người Anh nổi lên phản kháng rất kịch liệt Palmeston đã nhiều phen lớn tiếng công kích việc cho phép đào sông làm tổn đến tình hòa hảo giữa Anh và Ai-cập cùng Thổ nhĩ kỳ.

Ferdinand de Lesseps ba lần thân hành, sang Luân đôn, hết sức vận động, rồi đưa đến thương - khẫu Port Said một

đoạn đại biểu gồm các nhà thông-thái các nước, để làm cho rõ rệt tính-cách quốc-tế của con sông sắp đào.

Sau cùng, de Lesseps được các nhà chính-khách Luân-đôn hợp-tác. Thế là bắt đầu, nhất cuộc thứ nhất của công-việc khơi sông vào ngày 25 Avril 1859, tại đoạn từ hồ Menzaleh đến Địa-trung-hải.

Ferdinand de Lesseps rất săn-sóc đến công-việc và hết sức tiến-hành cho mau-chóng. Tuy vậy, cũng không sao tránh khỏi những trở-lực bất ngờ. Muốn trì hoãn công việc, chính phủ Anh không nhận cho dân-phu bản xứ đào sông, và gửi tối hậu-thư cho công-ty, bắt phải bãi bỏ việc phu đài, trả lại Chính - phủ Ai-cập những đất của quốc-trưởng Saïd nhường lại và phải đo lại địa-thế sông đào Việc phân - tranh ấy phải giao cho Hoàng-đế Nã-phá-Luân đệ-tam làm trọng-tài phân xử, Tháng Juillet 1866, bản quyết nghị tuyên-bố: Chính-phủ Ai-cập không phải mộ dân-phu đào sông nữa và công-ty phải chịu 81 triệu quan để trả tiền đất dùng làm địa thế cho sông chạy qua.

Tại Anh, người ta vẫn yên trí là công-ty thất-bại, không ngờ, thay cho nhân - công, có nhiều máy cuốc đào sông đưa đến nơi cùng với thợ đấu mộ từ Pháp, Ý và Thổ, để tiến-hành công việc.

17 Novembre 1866! Khánh thành kênh đào Suez. Một lễ rất trọng-thể đã đưa tới đất Ai-cập Các vị Hoàng thân các nước Âu-châu. Các khoản phí về lễ khánh thành nhiều quá làm hao hụt quỹ Ai-cập, đến nỗi Chính phủ Ai-cập phải ép dân mua quốc trái. Nhưng đó chỉ là kế tạm thời.

Về sau, các cường quốc Âu-châu phải can thiệp đến nội tình Ai-cập, cử Anh và Pháp là hai trái chủ của Ai-cập được quyền

và tổ chức lại nền tài chính Ai cập (1876). Chính thể ấy thì hành được sáu năm thì một đảng quốc gia Ai-cập gây cuộc biến động chống lại người Âu (1882) Chính phủ Anh yêu cầu nước Pháp dự vào cuộc dẹp loạn. Nhưng nội các Pháp không ưng dự chỉ một khoản binh phí đủ cung cho 4000 binh sĩ. Vì vậy, một mình Anh đứng lên tiêu trừ đảng phản động, chiếm Alexandrie, Le Caire và kênh đào Suez.

Từ đấy, Ai-cập đề dưới quyền bảo hộ người Anh. Trong vòng hai mươi năm, nước Pháp hết sức phản-kháng đề đòi lại quyền-lợi đã có từ trước trên đất Ai-cập.

Năm 1898, Đại-úy Marchaud, đem quân từ xứ Congo lại, chiếm miền Fachoda trên thượng-lưu sông Nil: cuộc chiến-tranh sắp nổi giữa Anh và Pháp, song hai bên điều-đinh với nhau được ổn thỏa, quân Pháp rút khỏi Fachoda, nên ngọn lửa chiến tranh lại có thể dập tắt được ngay.

Theo hiệp ước 1904, Anh công nhận nước Pháp được tự do hành động trên đất Maroc, nên Pháp không đề ý đến xứ Ai cập nữa, mặc cho Anh cai trị.

Ngày 4 Aout 1914, Anh cùng đồng minh khai chiến với Đức và Thổ-nhĩ-kỳ.

Vì Ai-cập vốn là chư hầu Thổ nhĩ kỳ ở vào một tình thế không được khúc triết, nên Anh lợi dụng thời cơ đặt cuộc bảo hộ chính thức trên xứ Ai-cập.

Ngày 18 Decembre 1914, công bố sắc-lệnh về cuộc bảo-hộ Ai-cập.

Theo sắc lệnh thì từ đó xứ Ai-cập chính thức đặt dưới quyền bảo hộ Anh-hoàng. Với cuộc bảo-hộ ấy tình bang-giao không có thể có giữa Ai-cập và Thổ như trước nữa. Chính-phủ Anh nhận trách-nhiệm phòng-thủ Ai-cập và bảo-vệ dân chúng cùng quyền-lợi Ai-cập.

Chính-thể thay đổi trước khi hỏi ý kiến hội nghị tư pháp bản xứ, nên dân chúng nổi lòng công phẫn, mà khắp các nơi bùng lên phong trào biến động. Tuy dùng võ lực tiêu trừ được yên, song lòng dân chưa quy phục.

Trong khi điều đình hòa-ước, theo sau cuộc đình-chiến, Saud Pacha Zagloul, viện trưởng viện lập-pháp, cùng nhiều bạn tới sứ quán Anh, xin Anh bãi cuộc bảo-hộ và công nhận cho Ai-cập được độc-lập.

Đơn yêu cầu gửi về Chính-phủ Luân-đôn bị bác bỏ. Zagloul bị giam cầm và phát lưu sang đảo Malte trong Địa trung hải.

Như lửa dầu thêm dầu, sinh viên trường Luật tỉnh Caire diễn qua các phố đề phản-kháng; dần dần những dân thất-nghiệp và công-chúng hưởng-ưng. Trong ba ngày, cuộc biểu-tình liên-tiếp tại Caire, rồi lan rộng sang các tỉnh cho tới xứ Thượng Ai-cập.

Quân-đội Anh can-thiệp, chẳng bao lâu dẹp yên được cả.

Muốn yên lòng dân, Zagloul Pacha được tha về nước.

Vì chính-phủ Luân-đôn và các vị thượng-thư Ai-cập không đồng ý về vấn-đề độc-lập Ai-cập, nên về sau Zagloul lại bị bắt và đem đến kênh Suez để đưa sang Aden.

Dân Ai-cập lại nổi lên đề phản-kháng thái-dộ người Anh.

Chính-phủ Luân-đôn đứng trước phong-trào biến-loạn ấy, phải thay đổi thái-dộ và nhất định cho Ai-cập tự-trị.

Ngày 30 Février 1920, xứ Ai cập được tự-trị

Từ đó Quốc-vương bắt đầu trị nước với niên-hiệu Fonad đệ-nhất.

Vì vị-trí ở trên bờ Địa-trung hải, xứ Ai-cập là một căn-cu-địa rất quan-trọng trong việc hành binh của Anh tại miền Bắc-Phi và trên mặt bể Địa-trung-hải.

Người Anh tập trung rất nhiều

lực-lượng, trong xứ Ai-cập đề uy hiếp thuộc địa các nước phe Trục tại miền Bắc-Phi và đã từng chiếm thêm được nhiều địa-thế.

Vì vậy, các nhà quân-sự Đức Ý rất chú ý đến nơi cần cứ có quan hệ mật thiết tới sự sống còn của Anh, cho nên từng phen đã phải hi sinh biết bao quân đội và chiến-cụ để giao tranh cùng bên địch. Luôn luôn hai bên kịch chiến, lúc được, lúc thua, chưa phân thắng bại.

Mới rồi, theo tin một tờ báo Thụy-điền, quân đội Đức có thể sắp khởi một cuộc tấn công làm rung động cả miền đông nam Âu châu, vì đồng thời với cuộc tấn công vào Nga, Đức còn tấn công vào các miền thuộc Anh ở Cận Đông và Ai-cập.

Lại có tin Đại-tướng Đức Student là người đã chỉ-huy các cuộc hành quân của quân đội nhầy dù trong trận Crêe, đã tới một đảo ở khu quần đảo Dodécane.

Khu quần-đảo Dodécane là căn cứ của Đức-Ý gần kênh đào Suez nhất. Lại có nhiều phi cơ vận tải quân Đức đã tập trung tại miền đó để sắp khởi cuộc tấn công rất lớn vào kênh đào Suez.

Như vậy, một ngày không xa, sẽ có những cuộc huyết chiến vô cùng mãnh liệt giữa hai bên địch thủ, một bên muốn phá sào huyết của phe địch và muốn chiếm con đường nối Đông sang Tây, mục đích liên lạc hai chiến tuyến Âu-Á; còn một bên vì nhẽ sống còn, phải tự vệ đề giữ nguyên lãnh-thổ.

Với cuộc tấn công mùa xuân vào Ai-cập và kênh đào Suez, mặt nước Hồng-hải từ nghìn xưa vốn sẵn màu hồng, sẽ nhuộm thêm một sắc đỏ tươi nữa!

« Bống có gan bống, bớp có gan bớp », cuộc số sát lẽ tất nhiên sẽ vô-cùng khốc-liệt.

NHẬT-NHẠM

Cuộc diễn-thuyết ở hội Tri-Tri của ông Mai-Linh về

# “NGHỀ XUẤT BẢN”

PHẠM MẠNH-PHAN

**H**ỒI chín giờ hôm thứ năm 16-4-1942, hội Tri-Tri phố Hàng Quạt có tổ-chức một cuộc nói chuyện. Diễn giả là ông Đỗ Xuân-Mai, giám-đốc nhà xuất-bản Mai-Linh, một nhà doanh nghiệp trẻ tuổi ở đất đế đô, nói về « Nghề xuất bản ».

Vi buổi nói chuyện trùng vào sau cuộc họp mặt của các giáo-viên hội Truyền bá quốc - ngữ, nên các thành-giả phần nhiều là các thanh-niên trí-thức hội-viên hồi đó. Ngoài ra, một số đông các nhà báo, nhà văn cũng sốt-sắng tới dự để hồng hiều rõ tới một nghề có liên can mật-thiết với việc phụng-sự văn nghệ.

Giảng đài của hội Tri-Tri tuy không được rộng, nhưng buổi đó cũng chứa trên ba trăm thính-giả. Dưới ánh điện tươi sáng, thoạt bước chân vào phòng, khách dự thính thấy ngay trên tường bốn chữ hán « Pháp Việt phục hưng », B ng một dáng điệu thông-thả và nghiêm - trang, ông hội trưởng đồng-dục bước lên diễn-đài, giới-thiệu diễn - giả với mọi người. Súng-sính trong bộ quốc phục mùa hè, với nụ cười luôn nở trên khuôn mặt quắc-thước, ông đã bày-tỏ vắn tắt mục-đích của cuộc nói chuyện với tôn chỉ hội ông theo đuổi.

Những lời giới-thiệu tuy ngắn-ngủi mà đượm vẻ thông - minh đĩnh-ngộ đã khiến tôi tự hỏi sao nhà học-giả khiêm-tốn của chúng ta không cho chúng ta nghe hàng giờ về một vấn-đề gì mà lại chỉ

« dư » chúng ta trong có dăm ba phút !

Ông Mai-Linh, một người đã từng lăn-lộn với nghề xuất-bản trong ngót mười năm, nay đứng ra nói về nghề đó, thật chẳng còn phải ngờ diễn-giả không đủ tầm-quyền nói và vì thế ông đã gây được đủ lòng tin-nhiệm trong số các người dự nghe.

## Diễn-giả đã nói những gì ?

Vừa bước chân lên diễn-đàn, ông Mai-Linh, bằng một giọng sang sảng, đã bắt đầu :

« Trong lúc hai bên cầu dương xô-xát nhau... thế-giới thành một lò lửa lớn... nào bom, nào đạn, nào thủy-lôi. . »

Tôi giật mình cứ ngỡ mình xem báo nhằm và tự nhủ có lẽ diễn-giả nói về một vấn-đề hợp-thời nào trong cuộc chiến-tranh Nga-Đức hay Anh-Nhật chi đây ? Chứ nói về « Nghề xuất-bản sao tại nói tới những « bom » với « đạn » !

Nhưng qua vài giây sau, tôi mới hiểu diễn-giả muốn ca-tụng sự yên tĩnh của Đông-dương trước tình-thế quốc-tế, nên muốn « lợi dụng » mà nói về một vấn-đề có tính cách văn-học.

Lúc đó tôi mới đủ tin tôi và tự nhủ :

« Diễn thuyết trong thời-kỳ chiến-tranh có khác ! »

Sau vài lời cảm ơn xã-giao, diễn giả tự thú vốn không có « thói quen của diễn đàn » và mục-đích nói về « Nghề xuất-bản » là cốt mong cho nghề đó thành một kỹ-nghệ lớn, tổ-chức theo phương-pháp khoa-

học của các nước Âu Mỹ, vì diễn giả nhận rằng nó có quan-hệ mật-thiết đến sự xây-dựng một nền văn-hóa của đất nước.

Ngoài mục-đích đó, ông thanh-minh không hề lợi-dụng cuộc nói chuyện mà hồng làm quảng - cáo riêng cho các sách đã do ông xuất bản. Tôi ngờ-ngợ và nhớ tới câu « que sais-je ? » (Nào tôi biết đâu đây ?) của nhà triết học Montaigne. Nhưng sau tôi mới tin lòng ngay-thật của diễn-giả.

Trước khi cất - nghêa địa-vị và bổn-phân của một nhà xuất-bản, diễn-giả nhìn qua tủ sách quốc-văn, thấy sau bao nhiêu năm đụng chạm với người Pháp, với văn minh thái-tây, cái tủ sách quốc-văn ấy của ta nó « lơ thơ và trống trải » quá. Duyên do tại sao ? Tại dân-trí chưa được mở-mang, tại nghề xuất-bản chưa được phát-đạt.

Căn-cứ vào một câu danh - ngôn của nhà văn-hào Nguyễn văn-Vinh xưa « Nước Nam sau này hay, hay giờ, là ở chữ quốc ngữ » diễn-giả mạnh-bạo nêu lên một tiền-đề : « Dân trí sau này tiến mau hay chậm là do nghề xuất-bản sách quốc-văn của ta thịnh hay suy ».

Nói tới nghề xuất - bản, diễn-giả không quên nói tới sự quan-hệ mật-thiết của những văn nhân, những người đã từng vất chất óc ném lên mặt giấy để nhờ nhà xuất bản, nhờ gió bốn phương đem tư - tưởng mình tới mọi người.

Nhà văn, nhất là nhà văn nước ta, phần nhiều lại nghèo, ít khi đủ vật-lực mà đem xuất bản lấy những tác-phẩm của mình, vì theo diễn giả : « Càng là nhà văn càng-dần, Xem tiếp trang 20

# Kết quả cuộc thi về lịch-sử do báo Tri - Tân tổ - chức

Theo con đường lịch-sử, Tri-Tân chúng tôi ra đời mới hơn một tháng đã vội nghĩ ngay đến việc tổ-chức một cuộc thi về lịch-sử.

Đầu bài.

« *Viết một thiên lịch-sử kỹ-sự thuộc phạm-vi Nam-sử bất cứ về đời nào mà cần phải là sử-liệu chưa ai nói đến và chưa đăng báo bao giờ* ».

Điều-lệ đã ghi trong Tri-Tân số 5.

Đối với cuộc thi ấy, các bạn yêu thích lịch-sử tại nạm xứ Đông-dương hưởng-ứng một cách nhiệt-liệt.

Sau khi khóa sổ nhận quyền thi, chúng tôi điểm được tất cả 35 bài. Lịch-sử là một môn phức-tạp mà sử bút lại càng phải thận-trọng không thể ra ngoài sự thực được, thế mà các bài dự thi tới được con số ấy, thực cũng là một điều quá sự mong ước !

Tri-Tân chúng tôi xin cảm-tạ các

bạn đã gửi bài dự-thi.

Chúng tôi tổ-chức ngay hội-đồng điểm - duyệt gồm có những tay từng-trải trong văn giới và báo-giới.

Mỗi bài lấy điểm số từ 1 đến 20. Sau khi ban sơ-khảo đã lựa chọn kỹ càng, còn được 10 bài, lại chuyển lên ban phúc-khảo. Các vị trong ban phúc-khảo lần lượt xem-xét kỹ lưỡng, cân-nhắc công bằng. Sau cùng còn được 7 bài đủ số điểm trung-bình.

Chiều 19 Avril 1942, một hội-đồng họp để cộng điểm số hơn kém và định trên dưới. Kết quả như sau này :

Giải nhất. — 25p. và 2 năm báo Tri-Tân.

« *Lãnh-sự Việt-nam ở Saigon* ». Tác-giả : Phong-Vũ Trần Văn-Hai N° 34 Rue Lagrandière Saigon (Nam-kỳ).

Giải nhì. — 15p. và 1 năm 6 tháng báo Tri-Tân.

« *Hoàng-Diệu* »

Tác-giả : Đặng Chi-Huyền

Làng Đức-mỹ, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam (Trung-kỳ).

Giải ba. — 10p. và 1 năm báo Tri Tân.

« *Kiến-Phúc* »

Tác-giả : Trần Thanh-Mại

Huế (Trung-kỳ).

Bốn giải khuyến-khích, 1 năm báo Tri Tân :

1. « *Việc thám phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá* »

Tác-giả : Nguyễn Đức-Ninh

Chef du Bureau de Colonisation à Sông Cầu (Annam).

2. « *Tháp Bình-son với ngụ ý Đê-Chiến* ». Tác giả : Biệt Lam Trần Huy-Bá, Trường Bác-cử Viễn-dông, Hanoi.

3. « *Một danh tướng đời Tây-son* : Trần Quang-Diệu »

Tác giả : Trịnh Như-Chất, Propriétaire, 14 Rue de la Pagode, Phu-Lạng-Thương.

4. « *Ngâm thơ đẹp giặc* ». Tác-giả : Trần Tuy-Lam, chez M. Trần Đức-Quang service du Cadastre Bắc-ninh.

Hạn đến 10 Mai 1942 là cùng, trong các vị trúng cách trên này vị nào thay đổi địa-chỉ, xin báo cáo cho tòa báo Tri Tân biết để tiện việc gửi ngân-phiếu và báo biểu, đúng như điều lệ đã định, chớ khỏi thất lạc.

Một lần nữa, báo Tri Tân xin thành thực cảm tạ tất cả các bạn xa gần đã gửi bài dự thi. Nhân dịp còn hồi mừng các nhà văn đã trúng cách.

TRI-TÂN

## Tin văn hằng tuần

### ĐÔNG-DƯƠNG

Theo huấn-lệnh của quan Thống-sứ Bắc-kỳ, thì các công-chức được nghỉ bù những khi phải đi làm chủ-nhật hay phải làm quá-giờ.

Quan Toàn quyền vừa ký nghị định cho phép phòng Thương mại ở Hanoi được mở tại Hanoi một trường Thương-mại.

Hôm 10 Avril quan Toàn quyền có ký một đạo nghị định bãi đạo nghị-định ngày 25 Février 1942 cho phát hành thêm 10 triệu đồng bạc 0 p 50, 0 p 20, 0 p 10 và 0 p 05.

Tại Chợ-lớn đã lập-thành một đoàn-thể các nhà thương-mại của người Nhật và người Tàu ở miền nam Đông-dương.

Hội Khuyến học Nam kỳ đã phát giải thưởng năm 1941 (từ 200 đến 300 bạc) cho ông Trần Tiêu, tác giả cuốn tiểu-thuyết *Chồng con*.

### QUỐC-TẾ

Nội-các mới của Pháp, do ông Laval làm thủ tướng, đã thành lập từ hôm 17 avril 1942.

Quán Anh ở Diên-điện lùi mỗi ngày 8 cây số.

4 vạn quân Ấn độ dời Diên-điện về nước.

Nga đòi Thổ tha hai bị cáo nhân Nga về vụ mưu sát ông Von Papen.

Tàu ngầm Đức lại đánh phá Curaçao gần Trung Mỹ.

Lộ quân thứ năm của Tàu ở Diên-điện bị vây.

Nhật đang chế thứ phi cơ bay mau mỗi giờ 1.000 cây số.

Bìa Văn-miêu

## Những ông nghề triều Lê

Số 18

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN TÔ

**S**AU khoa quý Dậu năm Thái-hòa mười một (1453), đến khoa quý-mùi năm Quang-thuận thứ tư (1463). Bài bìa đề tên các ông tiến-sĩ đỗ khoa ấy (Quang-thuận tứ niên qui-vị khoa, tiến-sĩ đề danh ký) như sau này.

« Đứng Thánh - thiên - tử (Lê Thánh-Tôn, 1460-1497) lên ngôi báu đến nay bốn năm, văn vận sáng như sao khê, nhân tài đông như mây hợp. Lúc ấy đương kỳ thi, học trò hát bài thơ *Lộc-minh* mà kéo đến, nhiều tới một nghìn hơn bốn trăm người, thi tài đấu nghệ trong trường xuân vi. Lựa chọn người giỏi được bốn mươi tư người.

« Ngày 16 tháng hai, vua ngự đến trường thi, ra đầu bài, hỏi về việc trị nước của các bậc đế-vương. Sai Kiểm-hiệu-tư-đồ bình-chương-sự là Nguyễn-Lãi, đô-đốc-đồng-bình-chương-sự, tri-đông-đạo-chư-vệ-quân-đề-đệ Quốc-tử-giám là Lê-Niêm, trông nom các việc.

« Sáng hôm sau, lũ môm hạ sảnh tả tư tả gián-nghị đại-phu, tri-hầu-đạo-quân đầu hạ tịch, kiêm Hàn-lâm-viện- thừa-chỉ học-sĩ là Nguyễn như-Đồ, Hàn-lâm-viện- thừa-chỉ học-sĩ, tri-đông-đạo-quân-dân hạ tịch là Nguyễn-vĩnh-Tích, Quốc-

tử-giám-tử-tửu là Nguyễn bà-Ký đem quyền dâng đọc. Vua xem xong, quyết định thứ bực, cho lũ Lương-thế-Vinh trở xuống đỗ tiến sĩ cấp đệ và tiến-sĩ xuất thân.

« Ngày 22, vua ngự điện Kính-thôn, sai người truyền loa nói là việc thi đã xong, Lê - quan mang bằng vàng yết ở ngoài cửa Đông-hoa, đề cho nhiều kẻ quan-chiêm. Lại ban cho mũ áo yến-tiệc, đề tỏ ý yêu mến đặc-biệt và gia ân rất là dầm dẫm

« Nhưng mà chưa làm bìa đề tên; đến nay đã hai-mươi-hai năm, thực là khuyết - điển. Đờ Hoàng-thượng nghĩ nhân - tài là nguyên-khí của quốc-gia, chẳng có nghề chẳng vun - giồng cho rộng khắp; chế-độ là phép hay của quốc-gia, chẳng có nghề chẳng làm cho rõ-ràng?

« Lại sắc cho đông-quan (hộ công) chạm đá khắc tên, dựng ở nhà Thái-học. Sa Đào-Cử soạn bài ký này.

« Kẻ thần-hạ kính vàng mệnh sáng, không dám lấy mình là sơ-thiền mà từ-chối, xin chấp tay cúi đầu mà nói rằng: Chấn - nguyên hội-hợp, rồi hiền-tài thiên-hạ mới nảy ra; chấn - chúa dấy lên, rồi hiền-tài thiên-hạ mới đứng hết. Cử bậc nguyên - khái, hỏi quan nhạc - mục là cách dùng người hiền của đời Đường Ngu; cất người hiền-nang, thăng kẻ tuần-tạo là cách dùng người tài của nhà Thành - Chu. Cho nên phong-tục thái-hòa, trị dân yên-thịnh; xem cách sai-trị, tất phải cốt ở việc sử

Thống chế Pétain đã nói:

« Nhân-dân nước Pháp phải ủng-hộ Chính-phủ mà Bản-chức đương cầm đầu trong buổi đau thương, phải dẹp nỗi lo sợ mà tin tưởng đến Quốc-vận ».

người hiền dùng người tài làm gốc.

« Đờ Thái-tổ Cao hoàng-đế ở Thánh-triều (Lê Lợi, 1418-1433) sửa sang võ-công, rộng tìm văn-đức, chưa kịp thay đổi, bắt đầu mở lối cầu hiền, sửa - sang đờ hạnh, phấn-khởi lòng dân, qui-mô rất là rộng xa.

« Đến đờ Thái-Tôn Văn hoàng-đế (1433-1442) nối theo phép rộng, thu phục hết kẻ anh - hùng, đặt khoa-cử để lấy người giỏi, dùng kẻ chân-nho để giúp-trị, nhơn-nhạo thay ! thật có công thủ-thành.

« Đến đờ Nhân Tôn (1442-1459) sửa-sang khuôn phép, theo công nghiệp tổ bầy mưu hoạch, lấy nho thuật mà phấn-sửa việc trị bình, lấy nhân-hậu mà bồi-bổ quốc-mạch, cách thi lấy học-trò, hết thầy kính theo phép cũ.

« Nay hoàng Thượng làm sáng thêm cơ-đồ nhơn, gánh vác mệnh to, tiếng nhân - nghĩa vang lừng bờ cõi, văn-trị võ-công trước sau sáng tỏ. Giáo hóa đến thế là rực-rỡ, nguyên-khí đến thế là đầy-dẫy, văn giáo sinh ra đầy dẫy, nho-phong phấn-ấn chưa-chan. Cho nên nhân-tài sản xuất đều hơn bờ như chim dều bay trên giới, như kiến bò vòng dưới đất. Chẳng một người nào là chẳng khoái chí như chim bằng bay, phấn thân như bee dạy, để được cái may mắn trông thấy đời thịnh. Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TÔ

Các bạn  
cầu may !bỏ 1 đồng  
mua vé số**Đông - Pháp**biết đâu không trúng  
số độc đắc 10 vạn



Một đoạn kịch bằng thơ

# Vua Lê Chiêu-Thống

CÁC VAI : Vua Lê, Như - Tùng  
và hai thị-vệ

Trong An nam dinh bên Tàu :

Cảnh sơ sài và u tịch. Vua Lê  
nằm trên sập rồng dựa lưng vào  
một chõng gối. Như-Tùng chầu  
chực bên cạnh. Hai bên thị vệ  
đứng hầu : một cầm quạt, một  
bưng chén thuốc. Gần đấy, một  
hương án trên có lư trầm và đèn  
nến. Vua Lê rất mệt, nhưng cũng  
gắng gượng.

## Lê-Chiêu-Thống

Chừ khanh ơi, trải bao lần kham  
khở,

Vua tôi cùng phiêu bạt đến quê  
người,

Mong xây lại cơ đồ đương sụp đổ  
Cho trong ngoài trăm họ được  
yên vui.

Nhưng ngán nhẽ trời cao không  
đoái tướng,

Đề vận nhà sụy đến nước lâm  
nguy ;

Đấy thân thế tòng vong đa vát  
vương,

Riêng trăm còn đau chịu cảnh sâu  
bi.

Hồn trăm sẽ bay về nơi cực lạc,  
Hay sẽ về u uất dưới diêm cung ?

Nhưng các người trên đường trần  
tân mac,

Biết bao giờ qua khỏi bước lao  
lung ?

(Lờ mờ, ngừng lại một tý, rồi lại  
tiếp)

Chừ khách ơi, đây phòng sao lặng  
lẽ,

Đâu ngôi vàng chói lọi của nhà Lê ?  
Và non nước hơn nghìn năm rục rế

Không còn mong thấy trăm lại  
quay về :

(Lại ngừng, rồi với làn mắt xa

xôi, lại tiếp nữa)

Bao lâu nay, nơi phương trời lặn  
đạn,

Trăm hằng mong nhờ tướng tới  
Hoàng-phi ;

Ái-phi ơi, bao giờ người nổi hận.  
Đã vì ta làm phải bước lưu-ly !

Khi sắp phải xa hồn thân gói liệm,  
Ta chỉ còn mong gặp gỡ được  
Hoàng-phi.

Còn đâu kẻ chung tình du yếm  
Lau giùm ta đôi giọt lệ lâm ly !

(Tiếng nghẹn-ngào. Những người  
hầu cận cảm động hơn nữa, trông  
rất rũ rợ).

Đấy chiếc nhẫn kim cương lồng  
ngọc bích,

Xin trao người gởi lại Hoàng-phi,  
Xin trao lại cho Người, đây vết tích  
Của lòng ta không một chút suy  
vi...

(Trao nhẫn cho Như-Tùng, rồi  
lờ-dờ và mệt-mỏi lắm, toan ngã  
mềm xuống. Như-Tùng ghé lại  
dỡ : nhưng ngài vẫn gắng-gượng)

Thế là hết còn đâu !.. còn đâu ới  
vận hội,

Đâu cơ - đồ khai sáng của tiên  
vương !

Trời rục-rỡ vừng dương vừa chói-  
lọi,

Bống mây dày đêm xẫm bóng thê-  
 lương.

Thế là hết, ới trung thần, nghĩa sĩ  
Đã từng quên tình-mệnh giúp  
quân-vương !

Trăm xin cúi đội mang ơn hùng-vĩ  
Khi linh hồn siêu thoát chôn tha  
hương.

(Đến đây, vua Lê hết sức mệt,  
ra hiệu cho Như-Tùng đặt ngài  
nằm xuống. Rồi hình như tỉnh  
táo lại, Ngài cao giọng,..)

## PHAN KHẮC-KHOAN

Chừ khanh ơi, hãy lên đèn sáng tỏ.  
Đốt hương trầm cho nghi-ngút  
trời cao ;

Cho thăm-thăm chín tầng xanh  
thấu rõ,

Cho hồn ta chóng thoát được  
phiêu-dao...

(Vua Lê ỉnhàng hà. Hai thị vệ  
gục xuống khóc nức-nở. Như  
Tùng đau-dớn hoảng-hốt, đứng  
nghẹn-ngào một giây lâu)

Như Tùng

Đấy đất khách hoang mang lòng  
cảm xúc,

Đấy lư trầm man-mác tỏa tuôn  
hương ;

Đấy gió lịm trong xượng mờ rộn  
khớ

Đưa linh - hồn u - uất của quân  
vương.

Quân vương ơi, nơi quê người ảm  
đạm,

Bầy tôi trung đương nung-nấu cả  
tim gan ;

Tướng đất khách cùng nhau  
nung-nấu tằm,

Nhưng thời rồi ! hi vọng của giang  
san !

(Ngừng lại một lúc, vẻ ngờ-  
ngác, rồi như điên cuồng)

## Con bà ho

Nhất là HO GÀ

## Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

## Nhà thuốc

## Tuệ-Tĩnh

53, rue . Aubergue VINH

Non nước hỡi !

Đáy ngấm phận truy - tuyền ngao

Đáy than ôi ! minh để đã thặng hà

Nơi quê người cảnh lạ nước non

Sao lạ quá, vầng dương còn chói

Sao biển cả không tan thành hơi

Sao mây sâu không che kín không

Sao muốn sóng không dâng nước

Cho ngập hết đời cao cùng núi

Sao rừng nặng không vang lừng

Gió hung tàn không vút ngã hết

Sao vũ cầu không diên đảo một

Sao quả đất không phun thành

Cho tan hết không còn tươi sáng

Cho tắt nguồn rực rỡ của muôn sao,

Cho tan hoang Bắc-dầu với Nam-

Khi nghiệp lớn không còn cơ thặng

(Đến đây, Như-Tùng kiệt lực,

mắt lờ mờ, rồi cũng dần dần gục

kuống)

PHAN KHẮC-KHOAN

(Rút trong vở kịch dài bằng

thơ : « Phạm Thái »)

NGUYỄN ĐAN TÂM

Cánh hoa bay

Mỗi độ xuân về phây bụi mưa,

Là tôi lại nhớ tôi năm xưa,

Những năm còn bé chơi tam-cúc

Với mấy cô cùng tiểu một tuổi thơ.

Bây giờ vườn mới, hương xuân

Tản-mác phượng trời, biết chốn

Tôi khóc, nhìn xuân, mưa ử-rũ,

Bứt từng cánh một cánh hoa đào,

Những cánh hoa bay, ấy bóng

Đã cùng tôi hưởng thú xuân tươi.

Cùng tôi chơi nói không e-thẹn,

Đã bỏ tôi đi mất cả rồi...

MINH-TUYỀN

Ngày xuân

Xuân còn rét, đây giới mây vẫn

Mira phòn bay, ngang cặng tằm

Khách qua lại, lờ-mờ trông thấp

Trên mặt đường bóng nháng mờ

Đào trước ngõ thêu bóng màu đỏ

Trên cành già, mới trở lá non

Lan bạch-ngọc dăm giò hương

Lăn hương trầm vẫn-vít trước

mảnh-mảnh.

Ngày gần ngọc, mặt giới tươi-tĩnh

Mây đã quang, mưa cũng lặng

Đường se se, người đi đông như

Mặt vui mừng, già trẻ hưởng ngày

CÁCH-CHI

Hát ví vùng Bắc-giang

Giang-bắc phong-lưu chuyện nực

Mùa xuân đình-đám vi-von chơi

Trai thì trang diễm màu xinh-

Gái cũng khoe khoang vẻ tốt tươi.

Há phải Nhân-hoàng còn trị nước,

Hay là Viêm-đế vẫn truyền ngôi?

Cho nên bốn bề đua tranh thế

Giang-bắc phong-lưu chuyện nực

TRỊNH NHƯ TẤU

Buổi tối...

Hai dãy song song màn bỏ rủ

Vừa vừa nho nhỏ một đường đi.

Cửa đóng im lìm như giấc ngủ

Còn đang ấp ủ tuổi xuân-thì...

Ánh đèn dịu dịu màu xanh mờ

Nhẹ nhàng buong xa ánh sáng mờ

Hơi thở đều đều theo nhịp điệu,

Có ai trong giấc còn đang mơ?

CÔ CẨM-LAI (Huế)

VŨ NGỌC PHAN-HUY CẬN-XUÂN  
 DIỆU-TRỌNG LANG-PHIÊU LINH  
 TÔ HOÀI-TRẦN THANH MẠI-VỊ  
 HỒ-ĐỖ ĐỨC THU-MẠNH PHÚ TƯ  
 và nhiều nhà văn cò tài khác trong  
 một nhà xuất bản đứng đắn, đáng  
 tìm cây .

“ mới ”

57 Phúc Kiến-Hà-nội  
 Tất cả tình hoa của văn  
 chương Việt-nam hiện-đại

THÁNG MAI  
 KINH CẦU TỰ  
 tập văn xuôi đầu tiên của HUY CẬN  
 Giá Op.85  
 (có in thêm một loại sách đẹp bằng  
 giấy giố và vergé giá 3p.50 một bản  
 các bạn chơi sách, xin gửi tiền về  
 trước).

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ  
 phóng tác của VŨ NGỌC PHAN  
 Giá 1p.25  
 theo tập Le roman de Tristan et  
 Iseult câu chuyện tình hay nhất thế  
 giới của các thời đại.

THÁNG JUN  
 Lâm tiên  
 phóng sự của TRỌNG LANG  
 Con nhà nghèo  
 tiểu thuyết của PHIÊU LINH

Note - Vì số sách in ra chỉ có hạn, nên mỗi tình chỉ để một đại lý độc  
 quyền. Đại lý nào muốn có sách bán, xin kịp viết thư về thương lượng.

# Nghề xuất bản

tiếp theo trang 15

cáo-thưong và nhân chán cái nhiệm-vụ của mình chừng nào thì lại càng nghèo chừng ấy (tiếng vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh của số đông các nhà văn, nhà báo trong đám thính-giả).

Vì vậy nhà xuất bản cần phải có. Nếu không, những tác-phẩm của các văn nhân ít khi được nhiều người biết đến và xã hội sẽ bị nạn *« thiếu món ăn cho tinh-thần »*. Theo diễn giả, *« cái nghề về tri-thức còn nguy hiểm hơn, còn làm tai-va hơn cho một dân tộc là cái nghề về tiền tài »* (bắt thấy các thính-giả đều vỗ tay).

Nhưng nhiệm-vụ của các nhà xuất bản là phải thế nào? Có phải chỉ cho in những truyện kiếm hiệp, những đám thư để trục lợi như phần đông các nhà xuất bản ở xứ ta không?

Diễn giả trả lời: Không. Rồi lần theo Georges Le-comte, ông định nghĩa thế nào là một xuất bản cục?

« Xuất bản cục là một người có *« đức tính Xuất bản cục có một linh hồn, cái dĩ vãng của nó định đoạt đến tương lai của nó. Cái của hàng của nó phải là một tấm cờ trên hoàn cầu, và cờ ấy có ngụ một ý nghĩa »*.

Rồi ông nói đến cái vinh, cái nhục của nghề mình mà than-phẫn cho phần đông bạn đồng nghiệp ông đã quá vụ lợi mà lãng bỏ danh-dự cao quý của nghề.

« *Cái nhạc, cái vinh của nghề là ở chỗ tác phẩm in ra có giá-trị hay không có giá trị* » (tiếng vỗ tay ở vài hàng ghế, tiếng si-sào ở cuối phòng).

Nhắc lại một câu của Gide và Valéry, diễn-giả nói lớn: « *Tôi xuất bản để xuất bản, tôi chỉ xuất bản cho những người nào biết đọc* (Một bạn trẻ trong văn giới rí tai tôi với một nụ cười: Như ông Mai-Linh chẳng hạn).

So-sánh nghề xuất bản ở nước ta với các nước Âu, Mỹ, ông thấy nó thấp kém một cách rõ-rệt và tìm thấy ba nguyên-nhân: nạn thiếu nguyên-liệu, kỹ nghệ in loát còn trong thời-kỳ sơ-tri và dân trí còn quá ư thấp-kém.

Bản đến nhân tài của đất nước, ông Mai-Linh tỏ vẻ bi-quan và than

phiền cho những thanh niên tân-học đã từng có những văn-băng cao cấp, các *« ông tiến-sĩ, cử-nhân, kỹ-sư hay thạc-sĩ »* sau khi thành tài cũng im hơi lặng tiếng, nên chúng ta chưa có những triết-học-giả, hoặc những nhà tư-tưởng xuất chúng (tiếng vỗ tay nhiệt-liệt hoan-nghênh trong hai phút hấp các hàng thính-giả, trừ vài thanh-niên có bằng cao cấp có mặt tại phòng).

Không những thế, ở xã-hội ta phần đông lại lãnh-đạm với việc xem báo, mua sách và các nhà xuất-bản hay bị cái nạn các đại-lý *« quỵ' tiền »* tiếng cười ran khắp phòng).

Ông tư hỏi nếu những xuất bản gia có tiếng ở bên Pháp như Flammarion, Nelson, Hachette, nếu lập nghiệp ở đất Nam nay, liệu với những trở lực như trên, có sớm phải *« than toán »* mà mau cuốn gói không?

Tuy vậy diễn giả không hoàn toàn thất vọng và tin rằng ở nước ta nghề xuất bản trong một ngày rất gần sẽ có một tương-lai rực-rỡ.

Nhưng hiện nay, theo ý ông, việc cần-thiết là phải bài-trừ những thói xấu ở phái tri-thức keo-bẩn hay mượn sách, thuê báo, phải gây trong dân-gian cái hứng-thú đọc sách, chơi sách mỹ-thuật và phải phổ-thông sự truyền-bá tư-tưởng Âu tây trong đám bình-dân.

Kết luận, ông rất mong có nhiều xuất bản cục ló ra đời và khi đó chúng ta mới có hy-vọng lập lên một *Quốc-gia thư-viện*. (một tràng vỗ tay dài kết thúc cuộc nói chuyện và chào diễn-giả).

## Vài điều nói thêm

Trong hơn một tiếng đồng-hồ, ông Mai-Linh đã đứng nói một cách rất lưu-loát và ít khi nhìn vào bản thảo. Tiếng nói ông trong trẻo và rành-mạch, nên khi lên bồng, lúc xuống trầm, các thính-giả đều đã lĩnh-hội được những đoạn ông thiết-tha kêu gọi sự chú ý của mọi người.

Như độc-giả vừa thấy, bài diễn-

văn của ông có một sự liên-tiếp rõ-ràng khúc-triết: đoạn đầu, ông giảng nghĩa nghề xuất-bản với những nhiệm-vụ của nó; đoạn giữa, những trở-lực của nghề; và đoạn kết, những sự mong-đợi của ông về nghề mình với sự tiến-hóa của đất nước.

Người diễn, nếu là một văn nhân, thì tôi không đòi gì hơn nữa, nhưng là một nhà xuất bản, là ông Mai-Linh đã từng lăn lộn với nghề thì tôi muốn ông nói thêm một cách rõ ràng những cái vinh, cái nhục của nghề bấ' chữ, buôn văn. Tôi muốn ông cho mọi người biết nhu cầu hơn nữa về những nỗi khổ tâm của một nhà xuất bản với những sự cạnh-tranh đê-hèn, bỉ-đi của các đồng-nghiệp.

Còn gì hứng thú cho các thính giả bằng sự lột mặt nạ những con chiên ghẻ trong nghề xuất bản, bằng sự đem phơi ra ánh sáng những mảnh-lời xảo-quyệt vô lương tâm, vô nhân-đạo của những quân chỉ biết tới mắt vi tiền, chỉ biết nô lệ cho những hành-vi ti-tiền!

Ái rõ những hành-vi đó? Ái đã phải đau lòng vì những bọn người vô-lương chuyên môn bôi nhọ nghề xuất bản? Tôi tưởng chỉ có những người trong nghề mới nhìn nhận được một cách tinh-tường.

Trước khi dùng bút, tôi cần yêu cầu với các hội như Tri-Tri, Khai-Tri hoặc các hội khác: Mỗi khi tổ-chức một cuộc nói chuyện, nên nhớ tới chúng tôi là những nhà báo mà dành cho chỗ ngồi bên tấm biển có đề *« chỗ ngồi các nhà báo »* để chúng tôi tiện các công-việc ghi chép tài-liệu để làm bài tường-thuật.

Làm như vậy, chúng tôi dĩ phải chen chúc và sẽ có cảm-tưởng rằng: ở xã hội ta, những nhà báo chúng tôi, mặc dầu đã cam chịu nhiều điều hy-sinh, nhưng vẫn được giới tri-thức ở đây không lãng quên trong những cuộc họp mặt.

Vì, ở xã hội ta hiện thời, muốn đánh đổ những thành kiến còi rề cái nghề viết văn, viết báo, cần phải có những cử-chỉ khả ái để nâng cao nghề đó ngang với sự cao quý của nó.

PHẠM-MẠNH-PHÂN



# THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 17

CHU-THIÊN viết

**L**IÊN-TƯỜNG và LỆ-Kim đã sắp sẵn từ trước, ăn mặc cực kỳ chải-chuốt, lại thêm nai-nịt gọn gàng cho ra vẻ vị nữ-soái để lên đàn được dễ-dàng. Khi bọn nữ-tỳ rước hai nàng ra đến đàn thì đã thấy đông-đủ các đầu-linh lâu-la trong trại. Chúng ăn mặc rất chỉnh-tề đứng vây quanh đàn. Lý-Trang mặc võ-phục rất oai nghiêm tiến lên trước cúi đầu chào hai nàng. Hai nàng cũng tươi cười vái chào lại rồi, theo Lý đi thẳng vào đàn. Ba tên đầu lĩnh cung-kính bưng mỗi tên một thanh kiếm dâng lên và chúc :

— Toàn-trại thượng hạ bái chúc đại vương cùng với nhị vị phu-nhân bách niên giai lão :

Tức thời một tràng pháo nổ tiếp theo lời nói ấy. Lý-Trang tươi-cười hơn-hở cầm lấy một thanh kiếm. Liên-Tường và LỆ-kim cũng mỗi người cầm một thanh, rồi hong-thả bước lên đàn. Trong khi ấy chiêng, trống, bát âm đồng thời nổi vang inh-ỏi. Lên đến trên đàn thượng, mỗi người đều rút kiếm ở bao ra. LỆ-Kim khiêm-tốn nói :

— Xin đại-vương làm lễ cầu-nguyện thành thân với chị Liên-Tường trước vì chị ấy trẻ hơn, đẹp hơn, hiền-hậu hơn, tôi xin nhường chị làm chánh-cung.

Liên-Tường cũng giả vờ nhường-nghị không chịu nhận, nhưng Lý-Trang thấy LỆ-Kim nói phải, hẳn

thời bại thanh kiếm song-song chỉ lên giới. Lý-Trang làm - bầm khăn trước :

— Tôi là Lý-Trang, chủ trại Mục-sơn, Hùng-uy đại vương, nguyện cùng Giới Đất...

Bỗng nhanh như cắt, LỆ-Kim đứng ở đằng sau đưa luôn thanh kiếm ngang cổ Lý-Trang khiến hắn nói chưa hết câu, đầu đã rơi lìa khỏi xác, chết không kịp thở. Dưới sân, các lâu-la đương vui vẻ trò chuyện bỗng thấy cái đầu chủ-tướng rơi xuống rồi tiếp luôn cái tay sập ngã đánh ầm một cái, thầy đều tang đổm, kinh hồn, hoảng-sợ. Qua một phút kinh-ngạc, lũ đầu lĩnh lâu-la mới kịp nghĩ bao tnu cho chủ, hèn la-o xum-xít lại, chực vây bắt hai nàng. Nhưng LỆ-kim đa năng tốt bụng dân dươ, mua kiếm chong dờ va hét :

— Đưa nao muốn khỏi rặng đầu thì đứng im !

Bọn lâu-la coi thường, cứ xúm lại. LỆ-kim liền mua kiếm ra sục đâm dưới chêm giết được mười tên cu-kuoi, và đâm nhiều đũa bị thương. Chung thầy vậy đều môn xiêu phách lạc, chạy tan loạn cả. Sau nghĩ sao, chúng lại tụ-tập sục lấy trước mặt nàng, kêu rằng :

— Trăm lạy phu-nhân, phu-nhân thật là thần-dũng ! Ngày nay chủ-tướng chúng con đã mất rồi, xin tôn phu-nhân lên làm chúa trại, cho lũ chúng con có chúa mà thờ, và có người truyền lệnh cho.

yêu quý Liên-Tường hơn, nên nhất - định cùng nàng chỉ kiếm thế trước. Liên-Tường cũng phải chiều lòng. Tức

LỆ-Kim nghiêm-nghị nói :

— Ta giết tên gian-tặc Lý-Trang này không phải vì thù riêng mà là vì lợi ích chung cho dân nước, và để trừ một tên hung-ác hay hành-hạ cả bộ-hạ trung-thành. Nay ta mi đã có lòng suy-tôn, ta cũng nhận lời. Nhưng ở với ta thì phải theo luật lệnh nghiêm-minh-trừ khi có lệnh ta sai khiến, còn thì không được hoành hành cướp bóc. Bằng trái mạng ta sẽ chém đầu !

Bọn lâu-la đồng thanh vâng lệnh. LỆ-Kim liền bắt đưa sổ sách ra để kiểm-soát lại kho-tàng, điểm-duyệt lại các lâu-la, rồi sai giữ đàn di... và mai táng cho Lý-Trang. Xong đầu đấy, nàng lại sai giết trâu lợn, mở tiệc rượu khao quân để nhận chức.

Từ đó LỆ-Kim thành chúa trại Mục-sơn.

### III

Sống yên-ôn ở trại Mục-sơn đã hơn hai tháng, LỆ-Kim và Liên-Tường được hết thầy bọn lâu-la đều kính-trọng và mến-yêu. Nhưng Liên-Tường vẫn tỏ vẻ lo-lắng. Một hôm, nàng nói nhỏ với LỆ-Kim rằng :

— Chị em ta phải kíp dời bỏ chốn này chứ ! Ở lâu em sợ có ngày sinh tai họa !

LỆ-Kim tươi cười đáp :

— Xin tiểu-thư chớ nên nóng-nảy vội-vàng. Đầu đó, tôi vẫn đã lo tính từ lâu, chỉ vì chưa tiện dịp thi-hành đó thôi. Tôi sợ-dĩ nấn-ná đến hai tháng giới này, là muốn xem tin-tức ở ngoài ra làm sao và muốn làm cho đám lâu-la này chân-tâm thành phục minh đẽ. Rồi sau ta có đi khỏi chốn này, chúng mới không dám nghi-ngờ mà làm ngăn-trở. Chứ tiểu-thư tính ở đây

mãi mà làm gì ? Vạn bất-đắc-dĩ cả đấy !

Liên-Tường nghe nói cũng được yên lòng chờ đợi và càng thêm phục Lê-Kim cao kiến hơn mình.

Ngày tháng đều-đều trôi được mười lăm ngày nữa. Một buổi sáng Lê-Kim dậy sớm đánh thức Liên, Tường bảo rằng :

— Tiều-thư ạ, tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta nhờ trại được rồi đây.

Liên-Tường vừa mừng vừa ngại ngủ hỏi lại :

— Lại còn nhờ cả trại đi kia à ? Tôi tưởng đi lấy thân mình thôi chứ !

Lê-Kim cười nói :

— Gớm ! lại còn đùa nữa kia đấy. Tình mau, ta bàn «quân-quốc đại-sự» !

Liên-Tường cười nũng-nịu :

— Em tỉnh rồi. Nào bàn «đại-sự» đi.

Bai nàng cùng cười, ngồi ngay ở trên giường bàn việc. Hai người qua câu-thận thi-thảm với nhau. Lê-Kim ghé vào tai nói trước. Rồi Liên-Tường lại vin cổ Lê-Kim xuống để miệng vào tai noi nhỏ hồi lâu. Đến hai ba lần như thế. Hai nàng đã thành thân-mật đư-dữ như nai đừa tre ngày thơ vừa thức dậy, nó trên giường ngủ, trước khi có người phơn đến rước. Bỗng Lê-Kim vùng dậy, bước xuống giường hỏi :

— Như thế được chứ ? Ta cứ thế ?...

Liên-Tường vui-vẻ đáp :

— Được ! Ta cứ thế !

Lê-Kim liền tự thân ra nhà công-đồng, đánh sáu tiếng công gọi quân trại. Một lúc sau, quân trại đã chạy lên khép-nếp quỳ dưới thêm thưa :

— Lạy tâu nữ-chúa đại-vương ! Đại-vương có lệnh truyền ?

Lê-Kim nghiêm nghị nói :

— Anh xuống bảo tất cả đầu-mục đàn-anh trong trại cuối giờ Mão phải tề-tụ cả ở đây. Ta có điều cần bảo. Và truyền cho mọi lâu-la, hôm nay phải ở nhà cả, không có lệnh ta thì không đũa nào được đi đâu, Nghe !

— Lạy tâu nữ-chúa đại-vương, vâng ạ !

Quân trại đáp vậy rồi đón-dén lui xuống. Lê-Kim cũng trở về phòng giục Liên-Tường ăn mặc gọn-gàng mau để ra họp hội-đồng. Vừa bước vào, đã thấy Liên-Tường hùng-dũng trong bộ áo binh phục net lấy mình, trông càng thêm rắn rỏi và đẹp-đẽ, Lê-Kim thốt ra nhời khen :

— Tiều-thư hôm nay nhanh và đẹp qua nhỉ ?

Liên-Tường cung kính đáp :

— Bẩm lệnh trên nữ-chúa truyền xuống, ai mà dám cưỡng.

— Được ! cho phép đi ra !

Lê-Kim mỉm cười nói vậy, rồi cũng đi lấy quần áo mặc vào. Xong đâu đấy hai nàng cầm kiếm đi ra nhà công-đồng. Thoáng thấy bóng hai nàng, một tên lâu-la đứng cạnh liền đánh ba tiếng công báo hiệu. Tức thì cả bọn đầu-mục đàn-anh đều qui phủ-phục xuống đất tung hô :

— Bái chúc nhị vị nữ-chúa đại-vương vạn tuế !

Hai nàng đứng-đạc bước lên hai cái kỷ cao ở gian giữa và truyền xuống cho rọi người đứng dậy.

Liên-Tường nhanh nhẹn bảo :

— Cho các anh ngồi cả lên các ghế hai bên tả, hữu này. Theo thứ-tự mà ngồi.

Bọn kia lặng-lẽ tuân lệnh. Khi ai nấy đã ngồi yên vị rồi, nàng nhìn khắp lượt rồi hỏi :

— Còn thiếu ai không nhỉ ?

Một tên đầu-mục đứng lên chấp tay cúi đầu thưa :

— Lạy tâu hai nữ-chúa đại-vương, bẩm còn thiếu ba đầu-mục đại-tướng cai-quản toàn rừng Thông, rừng Trúc, rừng Hồi nữa ạ ! Ba anh ấy vừa xuống núi sớm. Chúng con đã cho đi gọi rồi. Cũng sắp lên đến nơi ạ.

Lê-Kim nói :

— Thôi được, họ lên sau. Các anh sẽ bảo cho họ biết. Hôm nay nhân là ngày kỵ-nhật sự-phụ chị em ta, ta phải sửa một lễ-phẩm tinh-khiết để hoài tưởng đến người. Vậy nhân tiện chị em ta muốn trong quân sung vui, nên truyền xuống cho các

anh bảo tất cả các lâu-la trong trại đều nghỉ việc ở nhà, để giết trâu bò lợn gà làm tiệc cho tất cả anh em trong trại ăn uống no say một bữa.

Lê Kim ngừng lại, Liên-tường nói.

— Quân kho đưa số lên đây ta soát lại xem trong kho có thiếu thứ gì không. Và các anh em thử tính xem trong trại ta hôm nay ăn một bữa nó nề thì phải hóa kiếp bao nhiêu trâu, bò, dê, lợn che đủ và cả số rượu nữa.

Quân kho vội đứng lên xin phép về kho lấy số. Trong khi ấy thì mọi đầu-mục đều bấm đốt ngón tay tính nhẩm. Một lúc sau, một tên già nhất đứng lên chấp tay cúi đầu kính cẩn thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa đại-vương, cứ như chúng con lượng tính, số lâu-la trong trại ta kể cả đầu-mục có chín trăm tám mươi sáu người, như thế mà ăn uống cho no say thì phải bốn trâu, sáu bò, mười dê, mười tám lợn và trăm rưỡi vò rượu !

Một người khác nữa đứng lên thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa đại-vương, bẩm trăm rưỡi vò rượu nhiều quá, uống không hết ạ ! Đồ đồng cứ mười người một vò là đủ.

Tên đầu-mục già vội cãi :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa, có ít rượu như anh ấy thì mới mười người một vò...

Rồi quay xuống nhìn khắp bọn đầu-mục, lão nói tiếp :

— Hôm nay chúa trại cho anh em uống kỳ say kia mà !

Liên-Tường cười, nói :

— Được ! anh già nói chí lý đấy, hôm nay cho anh em uống no say, hết bao nhiêu cũng được.

Lê-Kim thấy quân kho lên vội truyền :

— Đưa lại đây ta xem. Kia, anh già nói lại số lợn rượu cho quân kho xem trong kho có còn đủ không hay thiếu ?

Còn nữa

CHU-THIÊN

# NGUYỄN-NGHIÊM

**C**Ụ Nguyễn-Nghiêm, hiệu là Nghị-hiến, lai có biệt hiệu là Hồng-ngũ cư-sĩ, người làng Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Cụ sinh đời Lê Dụ-tông Vĩnh-thịnh năm thứ tư (1708); mười sáu tuổi, thi hương, đậu cử-nhân; hai mươi bốn tuổi, thi hội, đậu nhị-giáp tiến-sĩ. Cụ sau làm quan đến Đại-tư-đồ, xuất tướng nhập tướng, trước Trung-cần-công, hiệu hách gần 20 năm. Ai đã từng đọc Quốc-sử, chắc cũng phải biết đến cụ. Sách của cụ trước tác cũng nhiều, như những tập: *Quán-trung liên-vinh*, *Xuân-dinh tạp-vinh*, *Việt-sử bị-lãm*, nhưng ngày nay thất truyền cả. Cụ được 12 người con; con cả là Nguyễn-Khản đỗ đồng-tiến-sĩ làm quan đến Tham-tụng đồng thời với cụ. Người con thứ bảy là Nguyễn-Du tiến-sinh trước-giã truyền Kiều.

Dưới đây là bài phú của cụ Nguyễn-Nghiêm.

## Bài phú « Khổng-tử mộng Chu-công »

*Cơ đầu chuyển vận, lý thực cảm thông, khác thuở điềm xưa Hiên-hạ, lạ chừng giấc mộng Cao-tông; gánh cương-thượng nhậm lấy một mình, khá khen Phu-tử; thuở mộng-mỹ đường bằng có ý, bèn thấy Chu-công.*

*Nguyễn từ: quang nhạc sống linh, bề giống ấu khi, non Ni-sơn sớm ứng trình-tượng, làng Khuyết-lý trở sinh thánh trí; hiến chương một đạo, rập theo đời cũ Văn-vương; mộng mỹ đời phen, còn tưởng tượng đời xưa Trùng-tề.*

*Chung khi ấy, song mai lúc vắng, đèn hạnh đêm nhân, ngừng mặt lòng kia còn tưởng, gối tay giấc nọ*

*vừa an; trên kỹ-tịch mơ-màng, nửa tự cõa-y ngời chăm-chăm, trước môn-tượng phảng-phất, dưng màu xích-tích bước khoan-khoan. Nghĩa bình ỉ chwa từng quen thuộc, giấc chiêm bao sao khéo bàn hoàn.*

*Thấy đầu chỉ đã hẹn-hò, lòng còn đàn-dia, xa xôi tay cách trăm năm, sau trước cũng về một đạo, gồm ba vua ra bốn việc, nền Thái-hóa mong trở gót Thành-Khanh. Vừa chẵn tháng trải ba năm, đời chỉ-trị rập lại miền Phong-Kiều, lo lường khôn xiết tư lương, mộng mỹ xây nên rằm triệu.*

*Vì đầu lòng trời muốn trị, đạo thánh gặp thì; quỳn chinh giáo mặc dầu cắt đứt, việc quốc-gia chín được thi-vi; chuyền máy thiêng biển Eổ biển Tề, sao liệt quốc lại chần về bắc; ra tay giúp làm vương làm đế, oac Thành-Chu đi trở sang tây. Thời tiết ấy dựng công-nghiệp ấy, chiêm-bao kia phải chỉ-khi kia.*

*Nài bao, cùng đạt mặc giới, thịnh suy có số; chỉ cả kia mong rập ra*

*làm, nước hầu nọ lại hay quỳn chủ; đường xe ngựa què người dầm khách, lũng trải qua Lỗ, Vệ, Tống, Trần; tiết hối mình sấm gió thổi mưa, khôn đem lai Thành, Khang, Văn, Võ.*

*Vậy khiến: thương lân sùi-sùi, thần phượng nghê-nạo; thời chưa gả thánh-nhân đã vớ, đạo chẵno dùng thiên-hạ làm sao! Hai trăm lễ xuân tha, mới biết trị-bình chẳng dễ; bảy mươi thừa tuế nguyệt, thêm tuần tuế-tác càng cao! Mọi nỗi lũng xui than thở, bấy lâu vắng thấy chiêm bao.*

*Song le, danh sách giới đời, đức so bề rộng; vì muốn đời mở tượng thái-bình, góp bảy thánh ứng Nguyễn Đạo-thông. Tay thiều Tề, Khánh, Vệ chưa chút đền chỉ cả ước ao; song thánh đức, văn công, còn để đến đời sau sùng trọng. Trời nay, ngừng trông cơn miện, ngừng kính thu dương, hã còn tưởng khi giấc mộng.*

VĂN-THẠCH

**M**ột đoạn lịch sử về vang  
ấy chuyện lý thú và ly kỳ của

Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh  
Cụ Cao-Bá-Quát  
Đức ông Tuy-lý-Vương

Sẽ làm các bạn khoái trá  
bằng 60 trang văn chương  
đầy thi vị trong

**Đời tài hoa**

Một quyển sách  
rất có giá trị

Giá đặc biệt 0p35

Ở xa gửi bằng tem, thêm 0p10  
cước cho: hiệu sách Đông Tây  
195 hàng Bông Hanoi.



NHÀ XUẤT BẢN  
**MAI-LINH**

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

**LÃO-TỬ**

Một quyển sách

rất có giá trị

Giá 0\$80

Nhà thuốc trường đồ

**ĐỨC-PHONG**

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam thuốc sống, hào chế, các thứ sâm.

**MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN**

Thuốc kinh nghiệm

1. Thuốc bổ thân Đức-phong giá 1\$50

Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2. Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1\$20

Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3. Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1\$00

Chữa chứng cam rui, thuốc bổ của trẻ em

4. Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1\$50

Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến, 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bach-mai Hanoi, hiệu Đức-Hưng-ường 437 Ngã-tứ Trưng-hiến Hanoi, hiệu Mai-Linh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Linh 120 Georges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiến 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiên-An Bắc Ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Doàn 14, rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kịch Avenue Aristide-Bri-dan Boite postales N° 62 PhnomPenh.

**THOẠI NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ**

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tân hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

**THUỐC KHÍ HƯ**

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đại hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

**ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT**

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh, dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

**THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »**

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

**THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ**

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60 ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

**NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ**

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bờ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨMNANG

để phòng thân và trị bệnh